

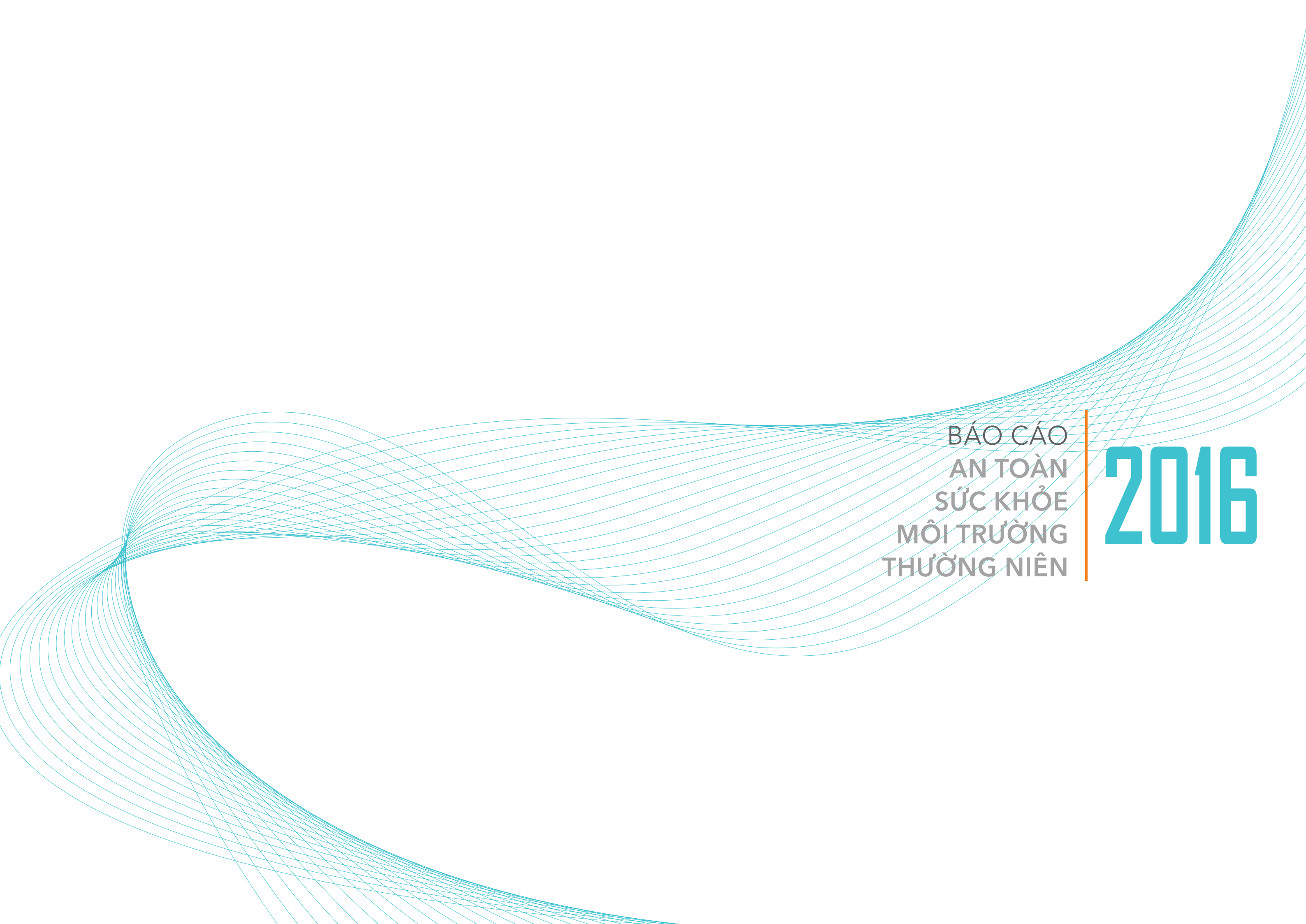
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO
AN TOÀN
SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG
THƯỜNG NIÊN

2016

Hà Nội, tháng 01 năm 2017



BÁO CÁO
AN TOÀN
SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG
THƯỜNG NIÊN

2016



LỜI MỞ ĐẦU

Trên tay Quý vị là ấn phẩm Báo cáo An toàn Sức khỏe Môi trường thường niên 2016 (Báo cáo) của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn). Các số liệu, thông tin được trình bày trong báo cáo đã được tập hợp trên Cơ sở dữ liệu An toàn Sức khỏe Môi trường trong giai đoạn 2013-2016.

Đây là lần thứ hai Báo cáo được xuất bản, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn đối với sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội của đất nước, bảo đảm an toàn sức khỏe của người lao động, bảo vệ chất lượng của môi trường, tài nguyên sinh thái và chăm lo an sinh xã hội của cộng đồng.

Thông qua Báo cáo, chúng tôi mong muốn không chỉ mang lại một kênh thông tin có giá trị để cung cấp cho các đối tác, khách hàng bên cạnh Brochure về Tập đoàn hiện nay, mà còn là cơ hội để nâng cao năng lực, nhận thức, tương tác, trao đổi về An toàn Sức khỏe Môi trường (ATSKMT) giữa các đơn vị, các cấp quản lý, cán bộ chuyên trách ATSKMT và người lao động.

Với mục đích nêu trên, chúng tôi rất mong nhận được các góp ý quý báu của quý vị về chất lượng của Báo cáo, để từng bước nâng cao chất lượng lập báo cáo trong những kỳ tiếp sau.

Trân trọng cảm ơn.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM



ĐỖ CHÍ THANH

MỤC LỤC

12

I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

- Cơ cấu tổ chức
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh
- Phát triển kinh doanh, thị trường

I. GIỚI THIỆU VỀ TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

III. QUẢN LÝ RỦI RO

IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG

V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NĂNG LƯỢNG

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

VII. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

VIII. CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

IX. KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN



26

II. HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

- Chính sách ATSKMT
- Hệ thống quản lý ATSKMT
- Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý ATSKMT
- Tuân thủ pháp luật ATSKMT
- Tham vấn cộng đồng hưởng tới bảo vệ ATSKMT
- Đào tạo ATSKMT



47

V. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NĂNG LƯỢNG

- Quan điểm của Tập đoàn về biến đổi khí hậu
- Hành động của Tập đoàn về biến đổi khí hậu
- Sản xuất năng lượng tái tạo
- Cải tiến, nâng cấp chất lượng sản phẩm về các khía cạnh môi trường



53

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

- An toàn Sức khỏe
- Bảo vệ Môi trường
- Ứng phó khẩn cấp



60

VII. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2012 - 2015

- Năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu chính đã tiêu thụ
 - Công nghiệp điện
- Công nghiệp chế biến dầu khí
- Năng lượng tái tạo đã sản xuất
 - Lượng hydrocacbon đốt bỏ
- Khí thải từ các nhà máy trên bờ
 - Sử dụng nước và nước thải
 - Chất thải rắn công nghiệp



38

III. QUẢN LÝ RỦI RO

- Quản lý rủi ro trong phát triển bền vững
- Quản lý rủi ro ATSKMT



76

VIII. CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

- Các bên liên quan
- Trách nhiệm với các dự án có tái định cư
- Trách nhiệm với cộng đồng



42

IV. NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Đào tạo, tư vấn, phòng ngừa dịch bệnh và kiểm soát rủi ro cho người lao động
- Hoạt động công đoàn



86

IX. KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN



PHẠM VI CỦA BÁO CÁO

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có hoạt động kinh doanh chính tập trung trong phạm vi lãnh thổ, lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Trên phạm vi quốc tế, Tập đoàn hiện có một số hoạt động thăm dò và khai thác dầu khí tại một số quốc gia. Các thông tin, dữ liệu về ATSKMT, xã hội và cộng đồng, tài chính, vận hành và lực lượng lao động được căn cứ theo số liệu tổng hợp trong tất cả các hoạt động của Tập đoàn. Các số liệu ATSKMT được thống kê từ năm 2013 đến hết quý II năm 2016.

NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Báo cáo được xây dựng bám sát tối đa Hướng dẫn Báo cáo Bền vững phiên bản 3.1 (Sustainability Reporting Guidelines G3.1) của tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI). Ngoài ra, chúng tôi cũng tham khảo Hướng dẫn Tự nguyện Báo cáo Bền vững trong Công nghiệp Dầu khí (Oil and Gas industry guidance on voluntary sustainability reporting) của tổ chức IPIECA.

Các nguồn số liệu, dữ liệu được sử dụng trong Báo cáo được đảm bảo thông qua các hoạt động kiểm toán của nhà nước và các tổ chức kiểm toán độc lập, cũng như các công bố chính thức của Tập đoàn.

Mục tiêu của Tập đoàn trong thời gian tới là xây dựng, vận hành các công cụ cho phép thu thập đầy đủ các dữ liệu phục vụ công tác lập báo cáo bền vững hoàn toàn tuân thủ G3.1 của GRI.

Kính thưa quý vị

Năm 2016, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong bối cảnh, điều kiện vô cùng khó khăn. Tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp; kinh tế toàn cầu phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị nổ ra ở nhiều quốc gia. Đông Nam Á trở thành khu vực cạnh tranh chiến lược giữa một số nước lớn; các vấn đề về tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển đảo trong khu vực và trên Biển Đông diễn ra gay gắt. Trên thị trường dầu mỏ thế giới, giá dầu giảm sâu, phục hồi chậm và biến động khó lường đã ảnh hưởng xấu đến nguồn lực, các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Tập đoàn ở trong nước và cả ở nước ngoài. Nhiều khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị xuất hiện từ những năm trước vẫn chưa khắc phục hết, tiếp tục là rào cản đối sự phát triển của Tập đoàn; công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và hoạt động dịch vụ gặp phải cạnh tranh ngày càng gay gắt; một số dự án kém hiệu quả, nguồn lực tài chính bị thu hẹp dẫn đến việc đầu tư bị hạn chế.

Trước những diễn biến, tình hình mới, Tập đoàn đã kịp thời điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2016; tối ưu thực hiện kế hoạch tìm kiếm, thăm dò, thăm lượng gắn với rà soát, ưu tiên chương trình công tác và ngân sách

29/11/2016); khai thác dầu ở ngoài nước dự kiến về đích trước 3 ngày (đạt 2,01 triệu tấn vào ngày 29/12/2016); sản xuất xăng dầu về đích trước 1 tháng 26 ngày (đạt 5,69 triệu tấn vào ngày 04/11/2016); sản xuất đạm về đích trước 8 ngày (đạt 1,58 triệu tấn ngày 23/12/2016); sản xuất điện về đích trước 12 ngày (đạt 20,27 tỷ kWh ngày 19/12/2016); doanh thu toàn Tập đoàn về đích trước kế hoạch 13 ngày (435,1 nghìn tỷ vào ngày 18/12/2016); nộp ngân sách về đích trước 28 ngày (đạt 81 nghìn tỷ đồng vào ngày 03/12/2016).

Có được những kết quả trên bên cạnh sự nỗ lực, ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, sự cần cù, sáng tạo của toàn thể cán bộ, công nhân viên Tập đoàn, là sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, sự hợp tác hiệu quả và tin cậy của các đối tác trong và ngoài nước. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo chiến lược bền vững đã đặt ra, tiếp tục đảm bảo nghĩa vụ đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, duy trì được sự phát triển ổn định và mang lại lợi ích cho xã

THÔNG điệp CỦA LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM



của các dự án khai thác; duy trì kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ, chất lượng của các dự án đầu tư; đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp, cơ cấu lại khấu hao, chi phí trong giá dịch vụ để giảm giá thành cung cấp dịch vụ cho các đơn vị thăm dò, khai thác dầu khí. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khí, điện và chế biến dầu khí tranh thủ thuận lợi từ yếu tố giá nguyên liệu đầu vào thấp để cơ cấu sản phẩm tối ưu trong từng thời điểm, phát huy tối đa công suất, nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà máy.

Nhờ vậy, kết thúc năm 2016, Tập đoàn đã vượt khó về đích trước kế hoạch với nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh ấn tượng. Gia tăng trữ lượng dầu khí hoàn thành kế hoạch đề ra với 16,6 triệu tấn dầu quy đổi. Khai thác dầu trong nước về đích trước 29 ngày (đạt 14,02 triệu tấn vào ngày 02/12/2016); khai thác khí về đích trước 32 ngày (đạt 9,61 tỷ m³ vào ngày

hội, người lao động, xứng đáng với niềm tin của quý vị khách hàng, của đối tác đã và sẽ tiếp tục dành cho Tập đoàn.

Thay mặt Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tôi xin chúc quý vị khách hàng và đối tác một năm Đinh Dậu An Khang - Thịnh vượng và Thành công.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC KHÁNH

I: GIỚI THIỆU

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu. Quy chế hoạt động của Tập đoàn được quy định tại Nghị định số 149/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2013 về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2015 về Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam của Chính phủ.

Lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Tập đoàn tập trung trong 3 khâu đầu, giữa và cuối của ngành dầu khí. Bên cạnh đó, Tập đoàn tham gia sản xuất và kinh doanh điện, phân bón và năng lượng tái tạo tại Việt Nam. Các sản phẩm của Tập đoàn bao gồm dầu thô, xăng dầu và các loại nhiên liệu, khí tự nhiên, khí nén CNG, khí hóa lỏng LPG, hóa chất, hóa phẩm phục vụ hoạt động dầu khí, phân bón và điện.

Trên phạm vi toàn cầu, Tập đoàn hiện có hoạt động dầu khí tại 15 quốc gia và vùng lãnh thổ, tập trung chủ yếu tại những khu vực có tiềm năng dầu khí như Cộng hòa Liên bang Nga và các nước SNG, Trung Đông, Bắc & Trung Phi, Mỹ La tinh và các nước Đông Nam Á.

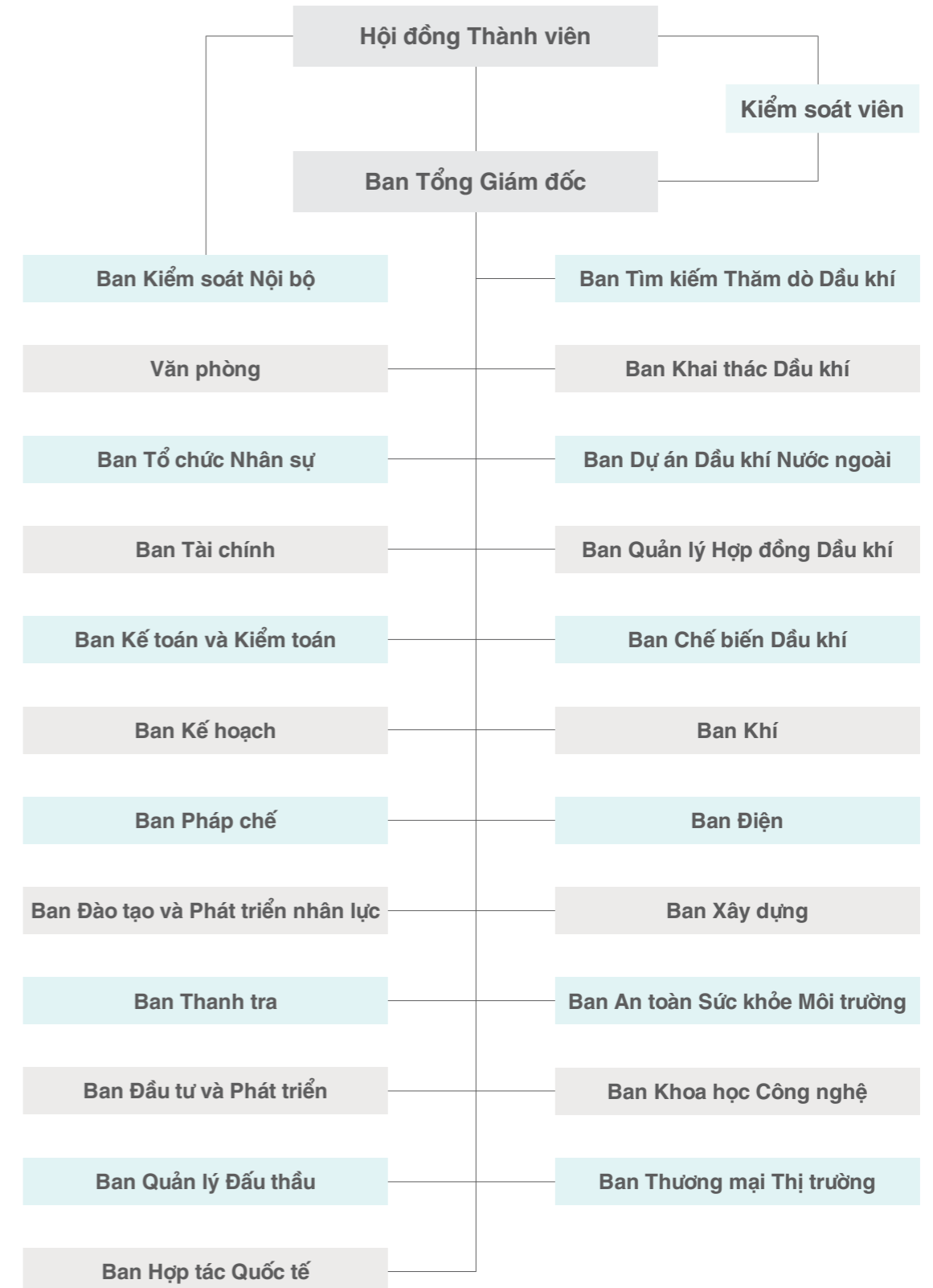
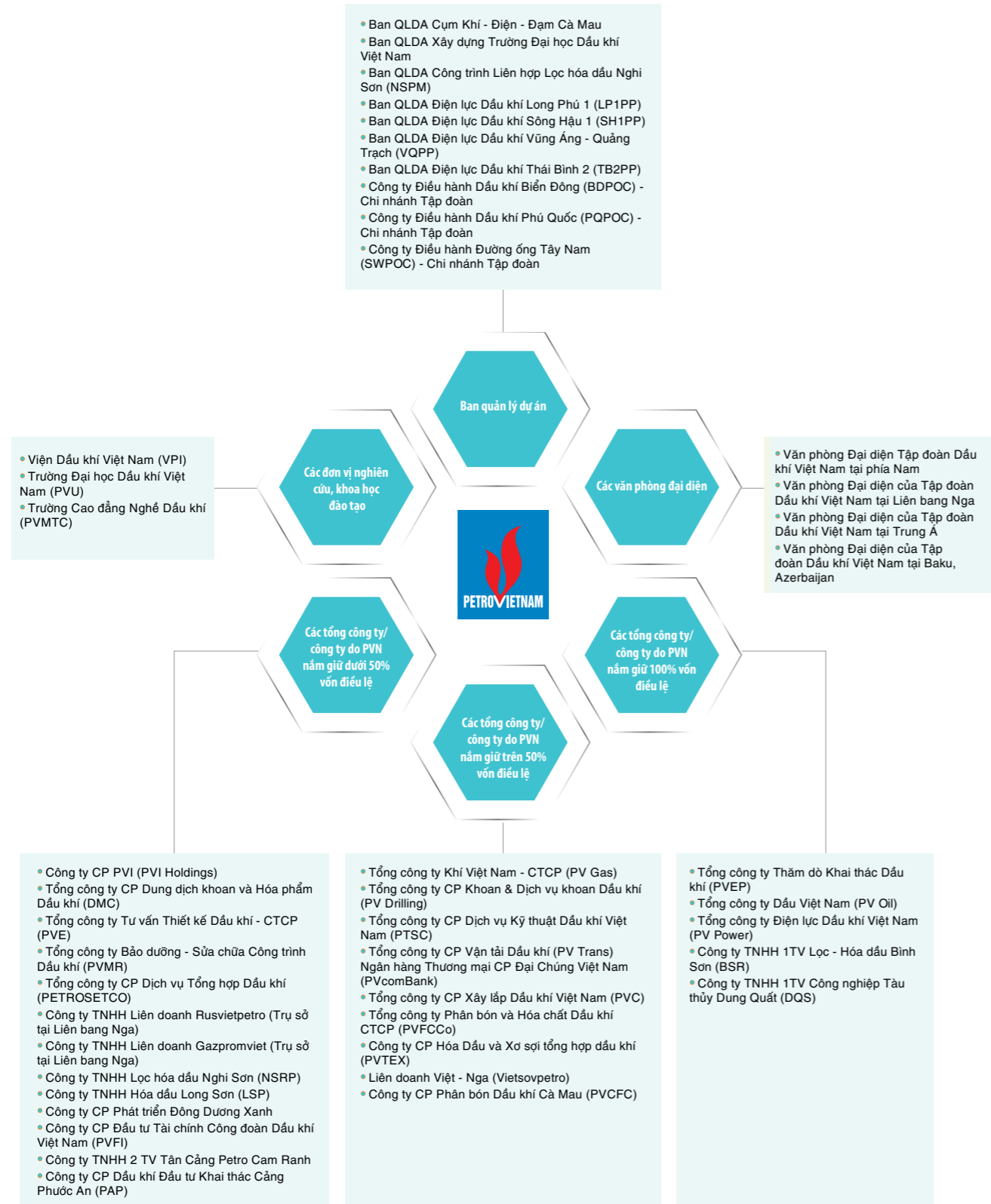
Tập đoàn là thành viên tham gia có trách nhiệm trong nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong và ngoài Việt Nam nhằm mục đích tăng cường, phát huy công tác ATSKMT trong ngành dầu khí nói riêng và ngành công nghiệp nói chung của Việt Nam và của khu vực. Các tổ chức mà Tập đoàn hiện đang là thành viên bao gồm: Hội Nước sạch và Bảo vệ Môi trường Việt Nam, Hội Hóa chất Việt Nam, ASCOPE, CCOP...

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Năm 2016, Tập đoàn duy trì cơ cấu tổ chức được thành lập trên cơ sở các Quyết định số 198/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 về việc hình thành Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Quyết định số 199/2006/QĐ-TTg ngày 29/8/2006 về việc thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 18/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Cơ

cấu tổ chức quản lý của Tập đoàn và các đơn vị thành viên theo mô hình: Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên/Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên/Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc. Quan hệ về kinh tế giữa Tập đoàn và các đơn vị cơ sở Tập đoàn là mối quan hệ bình đẳng giữa các pháp nhân độc lập và bằng các hợp đồng kinh tế. Trong đó, Công ty Mẹ - Tập đoàn quản lý các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết và đơn vị cơ sở bằng việc thực hiện quyền của chủ sở hữu và thông qua người đại diện tại đơn vị.

BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG



HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Ông Nguyễn Quốc Khánh
Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn
Thành viên Hội đồng Thành viên



Ông Phạm Xuân Cảnh
Thành viên Hội đồng Thành viên



Ông Phan Đình Đức
Thành viên Hội đồng Thành viên



Ông Đinh Văn Sơn
Thành viên Hội đồng Thành viên



Ông Phan Ngọc Trung
Thành viên Hội đồng Thành viên



Ông Nguyễn Tiến Vinh
Thành viên Hội đồng Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Vũ Trường Sơn
Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hùng Dũng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Lê Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Lê Minh Hồng
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Sinh Khang
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Quỳnh Lâm
Phó Tổng Giám đốc



Ông Ninh Văn Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc



Ông Đỗ Chí Thanh
Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Quốc Thập
Phó Tổng Giám đốc



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

Hoạt động khai thác dầu khí của Tập đoàn được thực hiện tập trung trong khu vực bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn ngoài khơi Đông Nam Việt Nam, với các mỏ truyền thống gồm Bạch Hổ và Rồng do Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (VSP) điều hành. Từ năm 2011 đến năm 2015, Tập đoàn đã đưa thêm 36 mỏ/công trình mới trong và ngoài nước vào khai thác (trong nước 26 mỏ/công trình, nước ngoài 10 mỏ/công trình). Đặc biệt, trong bối cảnh khó khăn của ngành dầu khí toàn cầu, Tập đoàn tiếp tục đưa thêm 1 công trình mới vào khai thác từ tháng 6/2016 tại khu vực mỏ Rồng.

Trong hoạt động sản xuất khâu sau của Tập đoàn, tới nay các sản phẩm xăng dầu hiện đáp ứng khoảng 30-40% nhu cầu xăng dầu trong nước, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên dầu mỏ của đất nước. Các nhà máy đạm Phú Mỹ và Cà Mau có tổng công suất 1,6 triệu tấn urê/năm, đóng góp xấp xỉ 30% tổng lượng phân bón sản xuất của cả nước (riêng phân đạm là ~ 70%). Ngoài ra Nhà máy đạm Phú Mỹ đã vận hành phân xưởng UFC85, phụ gia thiết yếu trong sản xuất phân đạm, giảm sự phụ thuộc từ nhập khẩu ngoài nước.

Tuy nhiên, giá dầu thô thấp kéo dài trong giai đoạn 2015-2016 khiến giá thành các loại nhiên liệu xăng dầu và hóa phẩm truyền thống giảm mạnh, dẫn đến các dự án nhiên liệu sinh học không mang

lại hiệu quả kinh tế. Vì vậy, Tập đoàn đã ngừng vận hành các nhà máy nhiên liệu sinh học Dung Quất, Bình Phước và Nhà máy xơ sợi Đình Vũ trong năm 2016. Dự án xây dựng Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ cũng được tạm dừng triển khai.

Ở lĩnh vực công nghiệp điện, Tập đoàn tiếp tục vận hành thương mại ổn định các nhà máy điện gồm: Vũng Áng 1 (1.200MW), Cà Mau (2 x 750MW), Nhơn Trạch 1 (450MW), Nhơn Trạch 2 (750MW), Thủy điện Đakdrinh (125MW) và Thủy điện Hủa Na (180MW).

Vượt qua các khó khăn trong năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh sớm trước thời hạn, cụ thể:

- Phát hiện dầu khí: 3 phát hiện mới tại các lô 09-1, 09-3/12 và 06-1;
- Khai thác dầu trong nước: 15,2 triệu tấn;
- Khai thác dầu ngoài nước: 2,03 triệu tấn;
- Khai thác khí trong nước: 10,61 tỷ m³ khí;
- Sản xuất xăng, dầu: 6,86 triệu tấn;
- Sản xuất phân đạm: 1,62 triệu tấn;
- Sản xuất điện: 21,13 tỷ kWh.

Năm 2016, tổng doanh thu toàn Tập đoàn ước đạt 452,5 nghìn tỷ đồng, nộp NSNN ước đạt 90,2 nghìn tỷ đồng.



PHÁT TRIỂN KINH DOANH, THỊ TRƯỜNG



Với chiến lược phát triển, xây dựng Tập đoàn thành tập đoàn kinh tế mạnh, năng động, có tiềm lực về tài chính và khoa học công nghệ, có sức cạnh tranh cao trong nước và quốc tế, các mục tiêu cụ thể trong sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 của Tập đoàn như sau:

TÌM KIẾM THĂM DÒ VÀ KHAI THÁC DẦU KHÍ

Trong nước:

- Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản và tìm kiếm thăm dò dầu khí ở trong nước; đẩy mạnh công tác tận thăm dò đối với các khu vực đang khai thác nhằm duy trì và gia tăng sản lượng khai thác dầu khí; tích cực nghiên cứu và thăm dò các bể trầm tích mới, các dạng hydrocarbon phi truyền thống (khí than, khí nông, khí đá phiến sét, khí hydrate...) để bổ sung trữ lượng phục vụ khai thác dầu khí.
- Khai thác hiệu quả các mỏ hiện có; phát triển và đưa các mỏ đã có phát hiện dầu khí vào khai thác một cách hợp lý và hiệu quả để sử dụng tài nguyên dầu khí trong nước lâu dài.
- Phần đầu gia tăng trữ lượng dầu khí đạt 10-30 triệu tấn quy dầu/năm; sản lượng khai thác dầu khí trong nước đạt 25-30 triệu tấn quy dầu/năm, trong đó: sản lượng dầu thô và condensate đạt 11-14 triệu tấn/năm; sản lượng khí đạt 10-14 tỷ m³/năm.

Nước ngoài:

- Tiếp tục triển khai các hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở nước ngoài với những bước đi thận trọng, phù hợp với khả năng tài chính và năng lực quản lý của Tập đoàn, trên nguyên tắc hiệu quả và quản trị tốt rủi ro. Lựa chọn các khu vực có tiềm năng dầu khí cao, môi trường đầu tư tốt, thuận lợi về quan hệ chính trị theo thứ tự ưu tiên là: (i) Liên bang Nga và các nước thuộc Liên Xô cũ; (ii) Đông Nam Á; (iii) Bắc và Nam Mỹ; (iv) Bắc Phi và Trung Đông.
- Phần đầu gia tăng trữ lượng dầu khí ở nước ngoài đạt 8-10 triệu tấn quy dầu/năm; sản lượng khai thác dầu thô ở nước ngoài đạt 2-4 triệu tấn/năm.



CÔNG NGHIỆP KHÍ

- Phát triển lĩnh vực công nghiệp khí hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các khâu, từ khai thác - thu gom - vận chuyển - chế biến - xuất nhập khẩu - dự trữ - phân phối khí và sản phẩm khí; duy trì cung cấp 100% thị phần khí khô và tối thiểu 70% thị phần LPG toàn quốc.
- Áp dụng chính sách giá khí hợp lý, theo nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa nhà nước và doanh nghiệp, người dân và giữa các doanh nghiệp với nhau làm tiền đề phát triển mạnh mẽ công nghiệp khí.
- Nghiên cứu, tìm kiếm thị trường và xây dựng cơ sở hạ tầng kho cảng để sẵn sàng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) từ sau năm 2020. Nghiên cứu phương án xây dựng đường ống kết nối các khu vực, hình thành hệ thống đường ống dẫn khí quốc gia.



CÔNG NGHIỆP ĐIỆN

- Tăng cường công tác quản lý, vận hành, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hiệu quả đầu tư đối với các dự án, nhà máy điện đã và đang triển khai, phát triển thêm một số dự án điện khí. Phấn đấu đưa các dự án nhà máy nhiệt điện vào vận hành bao gồm: Thái Bình 2 (năm 2017-2018), Long Phú 1 (năm 2018-2019) và Sông Hậu 1 (năm 2019).
- Nghiên cứu đầu tư xây dựng các nhà máy điện khí theo chiến lược và quy hoạch phát triển ngành khí, điện Việt Nam. Phấn đấu đến năm 2020 đạt tổng công suất lắp đặt trên 8.400MW, tổng sản lượng điện sản xuất từ các nhà máy điện của Tập đoàn chiếm 10-15% tổng sản lượng điện toàn quốc.

CHẾ BIẾN DẦU KHÍ

- Chú trọng phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu trong nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu. Tập trung phát triển lĩnh vực hóa dầu, hóa chất để nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm dầu khí, tạo ra các nguyên, nhiên liệu, vật liệu để phục vụ phát triển sản xuất công nghiệp trong nước, hướng tới xuất khẩu, giảm nhập siêu. Thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài để phát triển lĩnh vực chế biến dầu khí, trên nguyên tắc bảo đảm hài hòa lợi ích quốc gia và nhà đầu tư nước ngoài.
- Đẩy mạnh việc tích hợp, tổ hợp lọc - hóa dầu với các nguồn khí tự nhiên khai thác nhằm nâng cao hiệu quả công trình, dự án đã đầu tư và phát triển các dự án mới cả về quy mô, mức độ chế biến sâu, có sức cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.
- Phấn đấu công suất chế biến của các tổ hợp lọc - hóa dầu đến năm 2017 đạt 16,5 triệu tấn dầu thô/năm.



DỊCH VỤ DẦU KHÍ

- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ hiện đại để đảm bảo chủ động thực hiện các dịch vụ cho các lĩnh vực kinh doanh chính, các dự án đầu tư trong ngành dầu khí và mở rộng dịch vụ dầu khí ra nước ngoài. Xác định các dịch vụ chủ đạo: dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan; dịch vụ khảo sát, xử lý và minh giải địa chấn; dịch vụ địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm; dịch vụ thiết kế, chế tạo và xây lắp các công trình dầu khí; dịch vụ đóng mới và vận hành các phương tiện nổi phục vụ hoạt động dầu khí; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy/công trình dầu khí.
- Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ dầu khí để tăng khả năng cạnh tranh và tập trung vốn để tái đầu tư lĩnh vực cốt lõi của Tập đoàn.
- Phấn đấu đến năm 2020, đáp ứng 60-70% nhu cầu dịch vụ khoan và kỹ thuật giếng khoan trong nước; cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát sửa chữa công trình ngầm; 80-90% nhu cầu trong nước về dịch vụ xây lắp dầu khí biển; 80-90% dịch vụ tàu chuyên ngành dầu khí và dịch vụ tàu chứa, xử lý và xuất dầu thô.



II: HỆ THỐNG
QUẢN LÝ
AN TOÀN
SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG

CHÍNH SÁCH ATSKMT

Tập đoàn tiếp tục duy trì và thực hiện chính sách ATSKMT nhất quán trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính sách ATSKMT của Tập đoàn được công bố trên website: www.pvn.vn khẳng định công tác ATSKMT là một trong những trách nhiệm hàng đầu của tất cả các cấp quản lý và là bộ phận quan trọng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tập đoàn sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT

Hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn được xây dựng và duy trì đảm bảo tính thống nhất, hệ thống và hiệu quả. Bên cạnh chính sách ATSKMT, các thành phần và các quy trình chính được công bố trong Sổ tay ATSKMT đóng vai trò là các yêu cầu thiết yếu cho mọi hoạt động.

Trong giai đoạn 2013-2016, hệ thống quản lý ATSKMT của Tập đoàn đã được cập nhật, bổ sung các tài liệu quản lý hệ thống ATSKMT gồm:

- Hướng dẫn chung về an toàn trong thi công giếng khoan;
- Hướng dẫn lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các cơ sở, công trình dầu khí ngoài khơi;
- Hướng dẫn quản lý rủi ro và ứng cứu khẩn cấp trong các hoạt động dầu khí;
- Hướng dẫn quản lý an toàn lao động và vệ sinh lao động trong các hoạt động dầu khí;
- Hướng dẫn thiết lập và áp dụng bộ chỉ số hiệu quả an toàn công nghệ nhằm tăng cường hiệu quả quản lý an toàn cho hoạt động lọc - hóa dầu và chế biến khí;
- Hướng dẫn phân vùng cháy nổ cho các công trình dầu khí;
- Hướng dẫn đào tạo cán bộ ATSKMT;
- Hướng dẫn kiểm soát về ATSKMT đối với nhà cung cấp dịch vụ trong hoạt động dầu khí;
- Hướng dẫn sử dụng và thải bỏ hóa chất trong hoạt động dầu khí ngoài khơi;
- Hướng dẫn quan trắc và phân tích môi trường biển khu vực lân cận các công trình dầu khí ngoài khơi Việt Nam;
- Hướng dẫn quan trắc môi trường xung quanh và giám sát nguồn thải của các công trình dầu khí trên đất liền;

Tới cuối năm 2016, Tập đoàn đã hoàn thành dự thảo và tiến tới chuẩn bị tiếp tục ban hành các văn bản:

- Hướng dẫn đào tạo kiểm tra và giám sát công tác bảo vệ môi trường ngành dầu khí;
- Hướng dẫn giám sát an toàn trong các hoạt động dầu khí (bản cập nhật);
- Sổ tay ATSKMT của Tập đoàn (bản cập nhật).

Tại các đơn vị thành viên, Hệ thống quản lý ATSKMT tiếp tục được duy trì tuân thủ các tiêu chuẩn OHSAS 18001, ISO 14001, ISO 9001 và các yêu cầu của hệ thống quản lý ATSKMT Tập đoàn. Trong hoàn cảnh khó khăn của ngành dầu khí nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung, công tác ATSKMT của Tập đoàn vẫn được chú trọng đúng mức, an toàn cho con người, môi trường, tài sản của Tập đoàn và các đơn vị thành viên được đảm bảo.

PHƯƠNG HƯỚNG, CÁCH TIẾP CẬN CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATSKMT



Đứng trước những thách thức và khó khăn về kinh tế do giá dầu liên tục sụt giảm; phức tạp trong triển khai các dự án thăm dò, khai thác dầu khí ở vùng biển nước sâu; diễn biến bất thường của thời tiết do biến đổi khí hậu, nhiệm vụ vừa đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo công tác ATSKMT được tuân thủ đầy đủ, đặt ra nhiều thách thức trong tiếp cận quản lý ATSKMT.

Bên cạnh đó với đặc thù hoạt động dầu khí bao gồm xử lý và lưu giữ một lượng lớn các lưu chất có đặc tính nguy hiểm về cháy nổ và độc tính như hydrocacbon, H₂, H₂S, CO... tại điều kiện áp suất, nhiệt độ cao nên luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn nghiêm trọng. Mặt khác, các giàn khai thác, giàn công nghệ, nhà máy chế biến dầu khí của Tập đoàn sau một thời gian dài khai thác, sử dụng liên tục trong nhiều năm đã bắt đầu bộc lộ những nguy cơ rủi ro mất an toàn. Điều này đòi hỏi việc triển khai công tác quản lý an toàn công nghệ, trong đó tập trung đảm bảo độ tin cậy của các thiết bị công nghệ như van, mặt bích, đường ống, các mối hàn... và kiểm soát chặt chẽ các sự cố gây thoát lưu chất ra ngoài môi trường thông qua chương trình kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì, chống ăn mòn càng trở nên cấp thiết.



Nhằm đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn công nghệ, an toàn cho con người, bảo vệ môi trường và tài sản, công tác ATSKMT được Tập đoàn định hướng như sau:

- Duy trì hiệu lực, củng cố và hoàn thiện hệ thống quản lý ATSKMT tại Tập đoàn và các đơn vị;
- Tiếp tục triển khai công tác quản lý ATSKMT trên cơ sở đánh giá và quản trị rủi ro xuyên suốt quá trình thực hiện dự án từ giai đoạn nghiên cứu khả thi đến kết thúc và tháo dỡ công trình;
- Liên tục tiến hành rà soát, chỉnh sửa các văn bản hướng dẫn, các kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp; nâng cao năng lực ứng phó và tổ chức tập huấn, diễn tập đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống ứng phó;
- Tập huấn, phổ biến văn bản quy định pháp luật về ATSKMT, nâng cao nhận thức của cán bộ phụ trách ATSKMT tại Tập đoàn và các đơn vị cơ sở;
- Tiếp tục tăng cường, đổi mới công tác kiểm tra tại các dự án xây dựng như Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1, Long Phú 1, Nhà máy Xử lý khí Cà Mau và Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn;
- Đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống quản lý an toàn công nghệ, khuyến khích các đơn vị cơ sở tích hợp hệ thống quản lý an toàn công nghệ vào hệ thống quản lý ATSKMT và các hệ thống quản lý khác;
- Thúc đẩy các nghiên cứu, điều tra về bệnh nghề nghiệp, tăng cường các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát sinh các bệnh nghề nghiệp như điếc nghề nghiệp, bụi phổi Silic... ở người lao động.
- Năm 2016 Tập đoàn đặt nhiệm vụ trọng tâm cập nhật, nâng cao năng lực triển khai ứng phó một cách hiệu quả và đồng bộ

các tình huống khẩn cấp do diễn biến bất thường của thời tiết và sự cố tại các khu vực biển nước sâu, xa bờ thông qua Đề án “Nâng cấp năng lực ứng cứu tình huống khẩn cấp cho hệ thống Văn phòng trực ứng cứu khẩn cấp của Tập đoàn”.

Để đảm bảo phát triển bền vững trong sản xuất, kinh doanh, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp tục tiếp cận công tác bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng hợp lý và hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, năng lượng; kiểm soát chặt chẽ nguồn thải; tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải nhằm cung ứng cho thị trường các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường.

Tập đoàn triển khai các nghiên cứu để xác định thực trạng và dự báo nguồn phát thải khí của tất cả các hoạt động dầu khí, trên cơ sở đó xác định các lĩnh vực có khả năng giảm thiểu nguồn khí thải tối ưu, tiến tới xây dựng kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2018-2030.

Từ năm 2015, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 đã có hiệu lực thi hành với nhiều quy định ngày càng chặt chẽ hơn thông qua các công cụ kỹ thuật để kiểm soát cụ thể các hoạt động bảo vệ môi trường; các dự án thăm dò khai thác dầu khí ở vùng nước sâu xa bờ đã đặt ra nhiều thách thức và khó khăn; các hiện tượng bất thường do biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng. Bối cảnh đó đặt ra những mục tiêu mới trong công tác bảo vệ môi trường, cụ thể là:

- Bảo đảm tiếp tục tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện các dự án, vận hành các công trình dầu khí;
- Đảm bảo công tác bảo vệ môi trường cho các hoạt động thăm dò khai thác tại các vùng biển xa bờ với những điều kiện đặc thù về môi trường biển sâu;
- Nâng cao năng lực và khả năng ứng phó trong các tình huống bất thường do biến đổi khí hậu.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT ATSKMT

Trong những năm qua, Tập đoàn luôn thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của luật pháp Việt Nam về ATSKMT, thể hiện trách nhiệm cao đối với môi trường và xã hội. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đã thực hiện tốt việc hướng dẫn các đối tác nước ngoài thực hiện việc tuân thủ các quy định pháp luật của Việt Nam.

Tại Việt Nam, hệ thống văn bản quy định pháp luật về ATSKMT tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện với những văn bản mới có hiệu lực trong năm 2016 gồm:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động và các Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ LĐ-TB&XH có liên quan quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động;
- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Quyết định số 26/2016/QĐ-TTg ngày 01/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc;
- Các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 gồm: Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Tập đoàn tiếp tục tổ chức cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn/quy chuẩn, quy định về ATSKMT mới và tổ chức thực hiện thông qua các hình thức triển khai:

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn văn bản pháp quy mới ban hành đối với cán bộ ATSKMT của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở;
- Chỉ đạo, tổ chức triển khai áp dụng văn bản mới;
- Cập nhật, bổ sung văn bản mới vào nội dung kiểm tra ATSKMT định kỳ;
- Rà soát các vướng mắc và kiến nghị tới cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

Công tác đánh giá sự tuân thủ pháp luật luôn được Tập đoàn xem là nội dung quan trọng. Việc kiểm tra ATSKMT được thực hiện dưới hình thức thường xuyên và đột xuất, theo bốn cấp: cấp Tập đoàn, cấp Tổng Công ty, cấp Công ty và cấp tổ đội. Ngoài ra Tập đoàn thường xuyên phối

hợp với các cơ quan quản lý nhà nước gồm Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế... đánh giá việc tuân thủ quy định ATSKMT ở các đơn vị.

Tập đoàn tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật về bảo vệ an toàn, môi trường đặc thù trong hoạt động dầu khí. Trong năm 2016, Tập đoàn tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành rà soát, cập nhật và chuẩn bị ban hành các văn bản quy định pháp luật về ATSKMT, cụ thể gồm:

- Dự thảo sửa đổi Nghị định 13/2011/NĐ-CP về an toàn công trình dầu khí trên đất liền;
- Hướng dẫn thu dọn mỏ và đường ống dẫn khí ngoài khơi Việt Nam;
- Kế hoạch ứng phó cấp quốc gia về sự cố cháy nổ giàn khoan và sự cố cháy nổ đường ống dẫn dầu khí;
- Hướng dẫn thực hiện các quy định về lập và trình nộp các tài liệu quản lý an toàn theo quy định quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí;
- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia gồm: QCVN 19:2010/BTNMT về nước thải kho và cửa hàng xăng dầu; QCVN 34:2010/BTNMT về khí thải công nghiệp lọc hóa dầu đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 35:2010/BTNMT về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển và QCVN 36:2010/BTNMT về dung dịch khoan và mùn khoan thải từ các công trình dầu khí trên biển.



THAM VẤN ATSKMT

Vừa nhận thức rõ vai trò then chốt của cộng đồng trong triển khai công tác quản lý môi trường - xã hội trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa thực hiện tuân thủ quy định pháp luật, Tập đoàn coi trọng và thực hiện nghiêm túc công tác tham vấn cộng đồng địa phương thông qua các hành động, chương trình cụ thể, thiết thực. Việc thực hiện tốt công tác tham vấn cộng đồng địa phương trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn được thực hiện trong những năm qua đã đóng vai trò quan trọng trong việc khảo sát, nghiên cứu hiện trạng, đánh giá tác động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường, đa dạng sinh học cũng như các vấn đề xã hội cần quan tâm.

Các chương trình tham vấn, hướng tới cộng đồng đã được Tập đoàn và các đơn vị cơ sở thực hiện trong năm 2016 bao gồm:

- Công khai thông tin và tham vấn ý kiến cộng đồng về công tác môi trường - xã hội cho giai đoạn nghiệm thu, vận hành thử nghiệm Dự án Tổ hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, thu xếp vốn Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, thu xếp vốn Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1;
- Hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật giúp tỉnh Thanh Hóa xây dựng kế hoạch ứng phó tràn dầu và bản đồ nhạy cảm môi trường;
- Phối hợp với các bên cho vay vốn ECA, tư vấn độc lập môi trường - xã hội, chính quyền địa phương và các bên liên quan tiến hành khảo sát, tham vấn cộng đồng dân cư về cơ sở hạ tầng, môi trường, an toàn, vệ sinh, an ninh, xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế IFC tại các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1 và Long Phú 1;
- Khối các nhà thầu, đơn vị thăm dò khai thác dầu khí tiến hành làm việc với bộ đội biên phòng và chính quyền địa phương về việc đảm bảo an ninh an toàn đối với các công trình, hoạt động dầu khí ngoài khơi;
- Tổ chức các đợt làm việc với lực lượng cảnh sát PCCC, các lực lượng chức năng và cộng đồng địa phương về việc bảo vệ an ninh trật tự, an toàn đối với các công trình, nhà máy trên bờ như Nhà máy khí Cà Mau, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Trạm xử lý khí Thái Bình;
- Phối hợp với Tổng cục Thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn triển khai các hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và tạo công ăn việc làm cũng như đảm bảo an toàn cho ngư dân khi đánh bắt;
- Tuyên truyền định kỳ trong các cộng đồng dân cư để bảo vệ an ninh, an toàn đối với các đường ống dẫn dầu, khí trên bờ và dưới biển;
- Phát động các phong trào trồng cây xanh bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thường niên.



ĐÀO TẠO ATSKMT



Tập đoàn và các đơn vị thành viên luôn xác định con người là yếu tố then chốt đảm bảo thành công cho hoạt động, từ đó luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao ý thức của người lao động về công tác an toàn, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quản lý ATSKMT của các đơn vị để nâng cao hiệu quả hoạt động, hướng về mục tiêu phát triển bền vững.

Trong năm 2016, tiếp tục cụ thể hóa việc triển khai giải pháp phát triển nguồn nhân lực theo “Chiến lược tăng tốc phát triển Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đến năm 2015” và triển khai áp dụng “Hướng dẫn đào tạo cán bộ An toàn Sức khỏe Môi trường”, Tập đoàn tổ chức đào tạo cán bộ theo các phân nhóm quản lý ATSKMT, chuyên trách công tác an toàn, chuyên trách công tác sức khỏe và chuyên trách công tác môi trường, thông qua 8 lớp đào tạo nghiệp vụ cho hơn 200 cán bộ gồm:

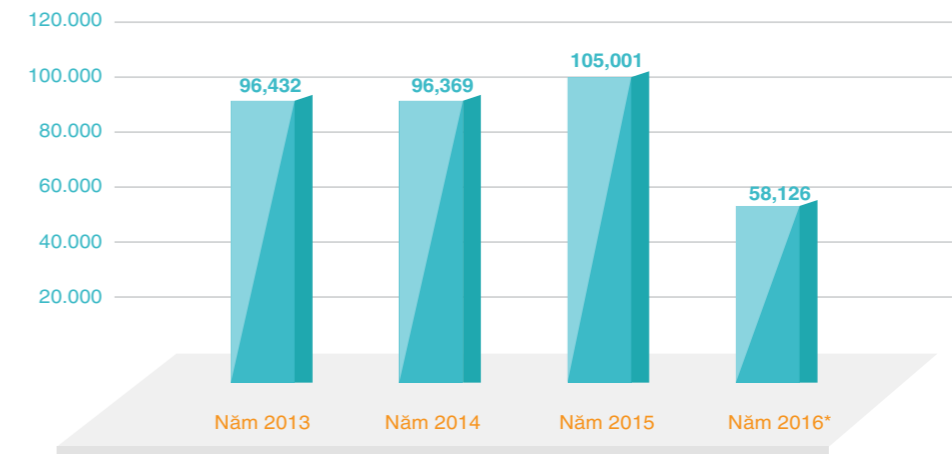
- 2 lớp Giám sát viên an toàn;
- 2 lớp An toàn điện;
- 2 lớp Kiểm soát chất thải rắn và chất thải nguy hại;
- 2 lớp Phòng chống tác hại bệnh nghề nghiệp do các sản phẩm công nghiệp dầu khí.

Tập đoàn đã tổ chức 3 đợt phổ biến, tập huấn văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường với hơn 300 cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về môi trường tại 3 khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam cho tất cả các đơn vị cơ sở.

Các đơn vị PVD, VSP, CLJOC tiếp tục chủ động đào tạo và tự đào tạo các cán bộ, chuyên gia ATSKMT có đủ khả năng thay thế các chuyên gia nước ngoài ở các lĩnh vực đặc thù như điều hành giàn khoan, chống phun trào. BSR, PVFCCo đẩy mạnh việc đào tạo về an toàn công nghệ, quản lý toàn vẹn, kiểm định trên cơ sở rủi ro...

Việc tổ chức huấn luyện an toàn cho người sử dụng lao động, cán bộ ATSKMT, người lao động, khách thăm quan và nhà thầu tiếp tục được thực hiện tuân thủ, góp phần giảm thiểu rủi ro, tai nạn chết người, đảm bảo ATSKMT trong các hoạt động của Tập đoàn. Thống kê tổng số lượt đào tạo, huấn luyện ATSKMT được trình bày trong biểu đồ dưới đây.

Số lượt đào tạo ATSKMT cho người lao động giai đoạn 2013-2016*



Ngoài ra, việc cập nhật các thông tin khoa học công nghệ mới trong lĩnh vực ATSKMT, trao đổi kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động ATSKMT của các đơn vị được thực hiện thông qua hoạt động của Tiểu ban ATSKMT thuộc Hội đồng Khoa học Công nghệ và Hội nghị thường niên về ATSKMT của Tập đoàn.



III: QUẢN LÝ RỦI RO



QUẢN LÝ RỦI RO TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý rủi ro, Tập đoàn tiếp tục duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro, trong đó quy định nhất quán và rõ ràng công tác kiểm soát các rủi ro về chiến lược, tài chính và tuân thủ luật pháp.

Hệ thống quản lý rủi ro của Tập đoàn tiếp tục được duy trì các nội dung gồm:

- Quản lý rủi ro hằng ngày: nhận diện mới nguy và quản lý rủi ro từ các hoạt động hằng ngày nhằm đảm bảo khắc phục phòng ngừa kịp thời, góp phần thúc đẩy các hoạt động an toàn và có độ tin cậy cao;
- Quản lý rủi ro kinh doanh và chiến lược: Rủi ro được xem xét trong các quá trình chính như hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý hiệu quả các nguồn lực và thẩm định dự án;
- Giám sát và quản trị: Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Ban Kiểm soát nội bộ và các phòng/ban chức năng cùng giám sát để nhận diện các rủi ro chính.

Với hệ thống quản lý rủi ro như trên, Tập đoàn đã đáp ứng được yêu cầu quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện cụ thể qua việc vượt qua khó khăn khi giá dầu suy giảm trong giai đoạn 2015-2016.

QUẢN LÝ RỦI RO ATSKMT

Từ giữa năm 2015, do ảnh hưởng từ việc giá dầu giảm thấp, Tập đoàn đã tiến hành cắt giảm nhiều chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu các rủi ro trong công tác ATSKMT trong bối cảnh nêu trên, Tập đoàn định hướng các nhóm hành động chủ chốt trong giai đoạn 2015-2016 gồm:

- Tập trung nâng cao năng lực tự kiểm tra, đánh giá công tác ATSKMT đối với cán bộ chuyên trách tại các nhà máy, công trình để giảm tần suất, chi phí kiểm tra của các đoàn cấp trên mà vẫn duy trì các chỉ tiêu và chất lượng công tác ATSKMT;
- Tiếp tục xây dựng, cập nhật kế hoạch, kịch bản, tình huống khẩn cấp phục vụ công tác huấn luyện và diễn tập ứng phó;
- Kiện toàn Ban Chỉ đạo ứng phó khẩn cấp đảm bảo tính liên tục, thông suốt từ Tập đoàn tới các đơn vị cơ sở;
- Tập trung nguồn lực cho công tác ATSKMT và ứng phó khẩn cấp; bổ sung phương tiện, trang thiết bị ứng phó hiện đại thông qua Đề án “Nâng cấp năng lực ứng cứu tình huống khẩn cấp cho hệ thống Văn phòng trực ứng cứu khẩn cấp của Tập đoàn”;
- Tăng cường công tác diễn tập, phối hợp lực lượng giữa các cụm công trình, nhà máy để tiếp tục nâng cao hiệu quả hỗ trợ lẫn nhau trong trường hợp khẩn cấp.

Thông qua việc triển khai đồng bộ và hiệu quả các giải pháp nêu trên, công tác quản lý rủi ro ATSKMT của Tập đoàn đã đạt được kết quả tốt, các công trình, nhà máy duy trì hoạt động ổn định, không xảy ra tình huống cháy, nổ, mất an toàn, sự cố ô nhiễm môi trường...



IV: NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tập đoàn tiếp tục duy trì môi trường lao động chuyên nghiệp, có nhiều cơ hội thăng tiến cho người lao động, trong đó người lao động được hưởng các chế độ đãi ngộ phù hợp. Tổng số người lao động của Tập đoàn tới thời điểm hiện nay là khoảng 60.000 người, trong đó số lao động nữ chiếm 24,94%.

Trước thách thức của giai đoạn khó khăn trong sản xuất kinh doanh hiện nay, lãnh đạo Tập đoàn xác định quan điểm không tiến hành cắt giảm nhân sự nhằm duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành dầu khí. Những trường hợp người lao động bắt buộc phải nghỉ chờ việc được áp dụng chính sách cử đi đào tạo để bố trí công việc khác. Tuy nhiên, việc duy trì số lượng người lao động không tránh khỏi mức thu nhập của người lao động tại một số đơn vị trong Tập đoàn tạm thời suy giảm.

Mặc dù vậy, Tập đoàn cam kết và đảm bảo 100% người lao động được ký kết hợp đồng lao động, thời gian làm việc - nghỉ ngơi và hưởng đầy đủ các chế độ tiền lương - phúc lợi - xã hội theo đúng quy định của luật pháp Việt Nam về lao động, cụ thể:

- Có chế độ riêng cho người lao động làm việc trong một số lĩnh vực, ngành nghề đặc biệt, người lao động làm việc trên biển;
- Bảo đảm thời giờ làm việc, làm thêm giờ, thời giờ nghỉ ngơi (hàng tuần, lễ, tết, nghỉ phép năm)... theo quy định;
- Cam kết tiền lương đảm bảo cuộc sống của người lao động. Mức lương thấp nhất của người lao động không thấp hơn 2 lần mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định/1 tháng;
- Có tặng quà cho người lao động trong các dịp lễ, tết, sinh nhật, kết hôn...;
- Có hỗ trợ người lao động các chi phí về trang phục, du lịch, ăn ca, phương tiện đi lại, phương tiện liên lạc, đau ốm, sinh con, nghỉ hưu...;
- Đảm bảo 100% người lao động được đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động định kỳ ít nhất 1 lần/năm;
- Bảo đảm người lao động được trang bị đầy đủ, đúng quy định về bảo hộ lao động theo yêu cầu công việc. Hàng năm, Tập đoàn mở các lớp đào tạo cho người lao động về kỹ thuật an toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

Công ty Mẹ - Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đều ban hành quy chế tuyển dụng lao động để đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tiêu chuẩn hóa các vị trí cần tuyển dụng, không phân biệt giới tính của người tham gia tuyển dụng.

100% người lao động nữ đều được nghỉ thai sản theo đúng quy định của pháp luật. Tập đoàn luôn quan tâm đến chế độ của lao động nữ khi nghỉ thai sản. Ngoài các chế độ được hưởng theo quy định của Bảo hiểm xã hội, người lao động nữ khi nghỉ thai sản đều được cơ quan hỗ trợ thêm một khoản kinh phí trong thời gian nghỉ, kinh phí này thay đổi tùy thuộc theo chế độ của từng công ty và được ghi rõ trong thỏa ước lao động tập thể của đơn vị.

ĐÀO TẠO, TƯ VẤN, PHÒNG NGỪA DỊCH BỆNH VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Môi trường làm việc an toàn và bảo đảm sức khỏe cho toàn thể người lao động trên các công trình dầu khí từ giàn khoan ngoài khơi cho đến các nhà máy trên bờ bao gồm cả khối văn phòng tiếp tục được quan tâm và đẩy mạnh.

Ngoài việc xác định, đánh giá và kiểm soát phơi nhiễm với hóa chất, vật liệu nguy hiểm gây tác động thể chất, tâm sinh lý và hành vi, các bệnh nghề nghiệp (bao gồm cả bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm) cũng được giám sát và quản lý chặt chẽ. Các chương trình đào tạo, tư vấn nhằm nâng cao nhận thức phòng ngừa dịch bệnh và kiểm soát rủi ro tại các đơn vị cụ thể cũng được triển khai đồng bộ, cụ thể gồm:

- Thực hiện định kỳ các chương trình đào tạo, tư vấn, phòng ngừa dịch bệnh tại các đơn vị cơ sở cho các cán bộ phụ trách ATSKMT về các tiêu chuẩn, quy định và hướng dẫn về vệ sinh công nghiệp và bệnh nghề nghiệp;
- Xây dựng và thuyết trình các nội dung về sức khỏe lao động giữa các tổ, đội, phân xưởng trong các cuộc họp an toàn định kỳ;
- Phát hành tranh cổ động, lồng ghép các thông điệp về sức khỏe tại nơi làm việc nhằm nâng cao ý thức tự bảo vệ sức khỏe của người lao động;
- Tổ chức các lớp học bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân viên bếp ăn tập thể. Đội ứng cứu khẩn cấp y tế được thường xuyên thực tập riêng và kết hợp lồng ghép chung với các đợt diễn tập chung của giàn;
- Tuyên truyền, phổ biến về các dịch bệnh mới phát sinh trên thế giới.



Tất cả đơn vị cơ sở đều nghiêm túc thực hiện công tác giám sát môi trường lao động định kỳ hằng năm nhằm kịp thời phát hiện và theo dõi các yếu tố có khả năng gây hại đến sức khỏe người lao động và làm phát sinh bệnh nghề nghiệp. Dựa vào các kết quả đánh giá điều kiện lao động, các đơn vị cũng đã đề xuất các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc như: cải tạo công nghệ sản xuất, trang bị và bắt buộc sử dụng dụng cụ bảo hộ tương ứng, phân bổ thời gian làm việc hợp lý... nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi đối với sức khỏe con người trong quá trình vận hành, sản xuất. Ngoài ra Tập đoàn tổ chức thực hiện:

- Duy trì công tác kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ đối với khu vực công trình, nhà máy, hạn chế tối đa sự lây lan của các dịch bệnh đang khởi phát (ZIKA...);
- Duy trì việc áp dụng triệt để chính sách không sử dụng chất gây nghiện, không thức uống có cồn trong hoạt động tại tất cả các đơn vị cơ sở;
- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ hằng năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường và 2 lần/năm đối với người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại. Người lao động nữ ngoài khám sức khỏe định kỳ hằng năm còn được khám chuyên khoa;
- Khảo sát, đánh giá hiện trạng điều kiện lao động và xác định danh mục nghề/công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- Thực hiện nghiên cứu điều tra lập báo cáo đánh giá tình trạng sức khỏe, bệnh nghề nghiệp của người lao động và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tại các đơn vị cơ sở trong Tập đoàn.



HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

Năm 2016, vượt qua những khó khăn thách thức, Công đoàn Dầu khí Việt Nam (DKVN) với đội ngũ hơn 60.000 người lao động Dầu khí không ngừng năng động sáng tạo, tiếp tục gặt hái được những kết quả đáng tự hào.

Công đoàn DKVN thời gian qua đã luôn khẳng định vị thế bằng những hoạt động mang tính nghề nghiệp cao và bảo vệ tốt quyền lợi của người lao động. Các hoạt động của Công đoàn không chỉ hướng mạnh về cơ sở mà còn có bước chuyển về chất, thu hút được ngày càng nhiều quần chúng vào tham gia các tổ chức Công đoàn; các phong trào thi đua luôn được quan tâm đẩy mạnh, nhiệm vụ trọng tâm trong chương trình hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh (SXKD) đem lại hiệu quả xã hội, đặc biệt là trong công tác an sinh xã hội (ASXH), đền ơn đáp nghĩa.



Đến năm 2016, thông qua chương trình “Mái ấm Công đoàn” cho người lao động Dầu khí, Công đoàn DKVN đã tiến hành hỗ trợ đột xuất, hỗ trợ vào các dịp tết, Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Tháng Công nhân, Ngày Gia đình 28/6 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 cho hơn 400 lượt chị em hoặc chồng, con của nữ công nhân lao động bị bệnh nan y hoặc không may qua đời với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng.

Mặt khác, với nhiệm vụ trọng tâm là chăm lo đời sống, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động, thời gian qua Công đoàn DKVN đã thực hiện có hiệu quả Chương trình “Nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện có hiệu quả thỏa ước lao động tập thể”. Trong năm, Công đoàn DKVN đã hỗ trợ 10 đơn vị với số tiền gần 2 tỷ đồng trong dịp tết Bính Thân, đồng thời chỉ đạo các công đoàn cơ sở trực thuộc tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, cán bộ hưu trí, gia đình chính sách, với tổng số tiền hơn 22 tỷ đồng; hỗ trợ công nhân bị tai nạn lao động, tặng quà cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân Tháng Công nhân; hỗ trợ kinh phí cho 747 người lao động đang chờ việc...



Trong các hoạt động xã hội, Công đoàn DKVN đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam Anh hùng, người già neo đơn, người nhiễm chất độc da cam, các trẻ em mồ côi sơ sinh không nơi nương tựa với tổng số tiền 100 triệu đồng; phối hợp với Hội Cựu chiến binh Tập đoàn thăm hỏi, động viên, tặng quà và tri ân các thương, bệnh binh nặng đang an dưỡng và điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh các tỉnh; phối hợp với Tập đoàn vận động người lao động quyên góp gần 17 tỷ đồng ủng hộ nhân dân 4 tỉnh miền Trung khắc phục thiệt hại do mưa lũ, ổn định cuộc sống.

V: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - NĂNG LƯỢNG

QUAN ĐIỂM CỦA TẬP ĐOÀN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Năm 2016, trong công tác thu xếp vốn cho các dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Sông Hậu 1 và Long Phú 1, Tập đoàn đã thực hiện tuân thủ các hướng dẫn, quy định về biến đổi khí hậu và cắt giảm phát thải khí nhà kính của cộng đồng quốc tế (OECD, Worldbank). Qua đó, Tập đoàn tiếp tục thể hiện cam kết mạnh mẽ về trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan tới vấn đề biến đổi khí hậu, gắn chặt với chiến lược cắt giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính đến năm 2030 của Chính phủ.

Tập đoàn tiếp tục theo dõi và đánh giá các rủi ro từ biến đổi khí hậu mang lại đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh gồm:

- Gia tăng chi phí do phải đầu tư các biện pháp nâng cao hiệu quả quá trình, lắp đặt thiết bị công nghệ mới, giảm lượng khí thải, thực thi các biện pháp giảm trừ cacbon tuân thủ mức phát thải quy định; nghĩa vụ phát triển, sản xuất năng lượng tái tạo;
- Thay đổi trong quy định pháp luật: có thể bao gồm các thay đổi về cấp phép phát thải, tiêu chuẩn khí thải, tiết kiệm năng lượng, hạn chế đốt bỏ khí;
- Khó khăn trong công tác thu xếp vốn cho các dự án có lượng phát thải khí nhà kính lớn như các nhà máy nhiệt điện than.

HÀNH ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

XÂY DỰNG ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tập đoàn đang tiếp tục xây dựng đề cương đề án chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu với các mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức của tất cả người lao động trong Tập đoàn về các rủi ro, thách thức của biến đổi khí hậu đối với các hoạt động dầu khí;
- Xây dựng chương trình sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm phát thải GHGs;
- Đề xuất các giải pháp từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm các giải pháp giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu tới các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, trong đó quan tâm thích đáng tới các rủi ro tài chính và kinh tế;
- Đến 2020, Tập đoàn tự thực hiện kiểm kê GHGs trong các lĩnh vực hoạt động chính của ngành phù hợp với hướng dẫn của UNFCCC.

Thực hiện đầy đủ nội dung chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ là một bước tiến quan trọng của Tập đoàn trên con đường phát triển và hội nhập theo tiêu chí “phát triển bền vững” của mình.



TIẾP TỤC THỰC HIỆN CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN SẠCH (CDM)

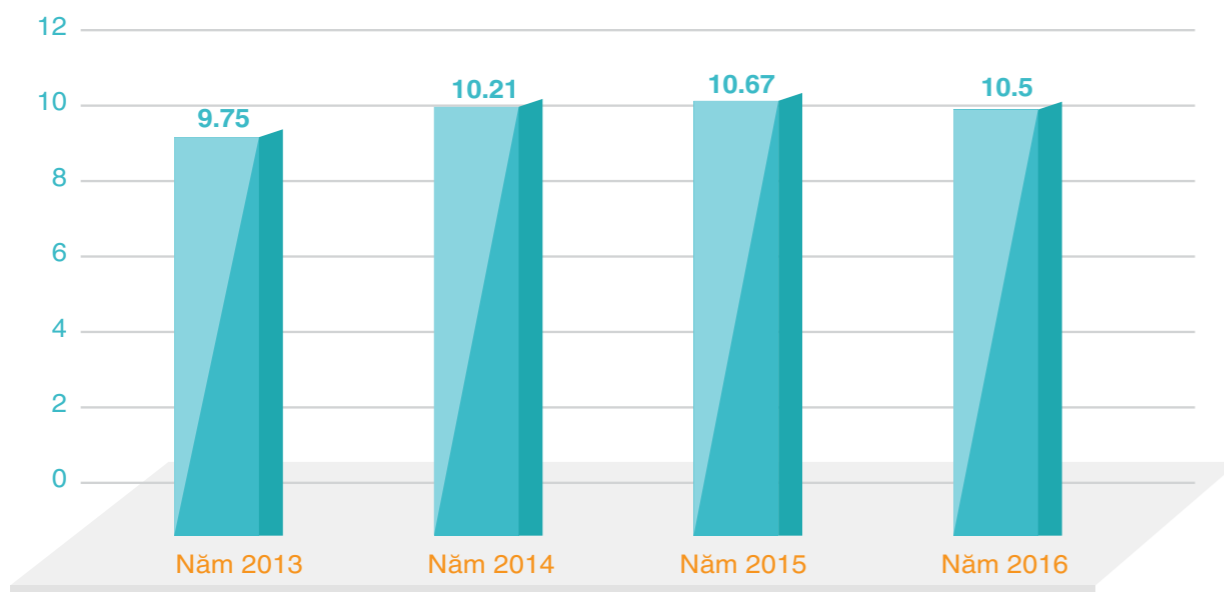
Thông qua Dự án “Thu gom khí đồng hành mỏ Rạng Đông” thu gom khí đồng hành dẫn vào bờ sử dụng cho các nhà máy công nghiệp tại Đình Cố và Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).



SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CACBON THẤP

Sản lượng khai thác khí tự nhiên của Tập đoàn tiếp tục được duy trì ở mức 10,5 tỷ m³ khí trong năm 2016, trong đó gần 40% lượng khí tự nhiên được dùng để vận hành 4 nhà máy nhiệt điện với tổng công suất 2.700MW, vừa góp phần bảo đảm cung cấp điện cho quốc gia, vừa góp phần giảm thiểu đáng kể phát thải GHGs.

Sản lượng khí tự nhiên khai thác giai đoạn 2013-2016 (tỷ m³)



ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG - SẢN XUẤT SẠCH HƠN

Công tác tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng luôn là nội dung quan trọng được Tập đoàn triển khai trong nhiều năm qua. Trong năm 2016, Tập đoàn đã tổ chức 2 khóa đào tạo về nhận thức cơ bản và nhận thức nâng cao về tiết kiệm năng lượng - sản xuất sạch hơn cho hơn 300 cán bộ tại Tập đoàn và các đơn vị cơ sở.

SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

THỦY ĐIỆN

Trong năm 2016, Tập đoàn tiếp tục vận hành 3 nhà máy thủy điện gồm:

- Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt có tổng vốn đầu tư hơn 300 tỷ đồng, công suất 3,2MW, cung ứng đến 1/3 lượng điện cho tỉnh Bắc Kạn.
- Nhà máy Thủy điện Đăkdrinh tại tỉnh Quảng Ngãi có tổng vốn đầu tư 4.911 tỷ đồng, công suất 125MW, được phát điện hòa vào lưới điện quốc gia vào ngày 23/5/2013 (tổ máy 1) và ngày 26/8/2014 (tổ máy 2).
- Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án thủy điện lớn nhất của Tập đoàn với tổng vốn đầu tư gần 7.000 tỷ đồng, công suất 180MW và chính thức phát điện, hòa lưới quốc gia vào năm 2013.

Tổng lượng điện sản xuất của 3 nhà máy nêu trên được tổng hợp trong phần VI của báo cáo.

NHIÊN LIỆU SINH HỌC



Nhận thức đầy đủ ý nghĩa của một nền kinh tế ít tiêu thụ cacbon như một phần của chiến lược quốc gia nhằm giảm thiểu sự biến đổi khí hậu, Tập đoàn đã đầu tư 3 nhà máy ethanol ở Phú Thọ, Quảng Ngãi và Bình Phước. Năm 2016, do sự suy giảm giá dầu và triển khai phân phối xăng E5 chưa hiệu quả nên hoạt động sản xuất và phân phối nhiên liệu sinh học ethanol chưa đạt kế hoạch.

CẢI TIẾN, NÂNG CẤP CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VỀ CÁC KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG

Sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất có thiết kế ban đầu là tiêu chuẩn EURO2. Sau 8 năm đi vào sản xuất, nhà máy đã liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm. Cụ thể, chất lượng xăng được sản xuất từ Nhà máy Lọc dầu Dung Quất hiện nay có hàm lượng chì đảm bảo nhỏ hơn 0,01mg/l, lưu huỳnh là 135ppm không tới 1/3 so với quy chuẩn QCVN 1:2009/BKHCN. Cũng như xăng, dầu diesel do Nhà máy Lọc dầu Dung Quất sản xuất có hàm lượng lưu huỳnh thấp, khí thải ít gây độc hại, với hàm lượng lưu huỳnh dao động trong khoảng 202-211ppm trong khi quy định của QCVN 1:2009/BKHCN là 500ppm.

Trong giai đoạn hiện nay, Tập đoàn đang triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, trong đó sản phẩm của nhà máy dự kiến sẽ tiếp tục được nâng cấp, đạt tiêu chuẩn EURO5 vào năm 2022. Điều này đồng nghĩa với việc giảm từ 30-50% lượng phát sinh các khí thải trong tiêu thụ các sản phẩm nhiên liệu của nhà máy.

VI: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ATSKMT GIAI ĐOẠN 2013-2016



AN TOÀN SỨC KHỎE

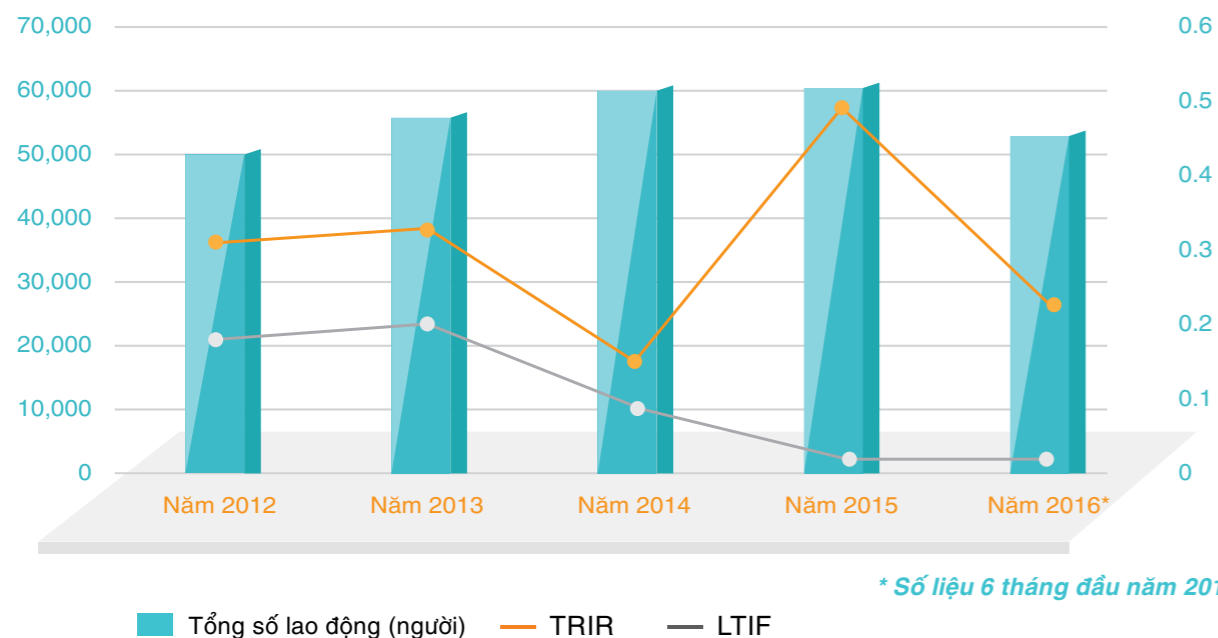
Các chỉ tiêu về tai nạn, sự cố trong giai đoạn 2013-2016* được thống kê như sau:

	2013	2014	2015	2016*
Tổng số lao động (người)	55.910	60.367	60.572	52.948
Số giờ làm việc (triệu giờ)	116,45	142,5	145,9	58,0
Tổng số tai nạn ghi nhận được/triệu giờ làm việc (TRIR)	0,33 x 10-6	0,15 x 10-6	0,49 x 10-6	0,22 x 10-6
Số tai nạn mất ngày công/triệu giờ làm việc (LTIF)	0,20 x 10-6	0,09 x 10-6	0,02 x 10-6	0,02 x 10-6

*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Nhìn chung, giai đoạn 2013-2016, công tác ngăn chặn, phòng ngừa tai nạn lao động đạt kết quả tốt; các nhà máy, công trình dầu khí trọng điểm được vận hành ổn định, liên tục, không có tai nạn sự cố, cháy nổ nghiêm trọng; nhiều công trình dầu khí mới được đưa vào vận hành an toàn; tần suất tai nạn lao động duy trì ở mức thấp.

Thống kê chỉ số an toàn giai đoạn 2013 - 2016



Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho các dự án và công trình dầu khí, trong giai đoạn 2013-2016, Tập đoàn đã thực hiện một số công việc cụ thể sau:

- Lập và trình phê duyệt các tài liệu quản lý an toàn cho 20 công trình/dự án theo quy định của quy chế quản lý an toàn trong các hoạt động dầu khí;
- Đăng ký, kiểm định cho các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động trước khi đưa vào vận hành;
- Thực hiện thỏa thuận và thẩm duyệt thiết kế về PCCC cho các công trình và dự án dầu khí;
- Kiểm định trang thiết bị PCCC; lập và trình phê duyệt phương án chữa cháy cơ sở; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định.

Song song với các hoạt động kiểm tra, kiểm toán ATSKMT, Tập đoàn đã tổ chức kiểm tra đột suất 3 công trình xảy ra sự cố, 9 đợt kiểm tra công tác sẵn sàng ứng phó khẩn cấp và phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn. Tập đoàn đã cùng với Cục Cảnh sát PCCC kiểm tra 10 đơn vị cơ sở.

Nhìn chung, các yêu cầu pháp luật về ATLD-VSLĐ-PCCN đã được thực thi đầy đủ và hiệu quả ở cả cấp Tập đoàn và các đơn vị cơ sở. Các quy định pháp luật mới luôn được cập nhật, đánh giá và triển khai kịp thời. Hệ thống quản lý ATSKMT tiếp tục được duy trì hiệu lực và hiệu quả, điều kiện lao động, trang bị bảo hộ lao động và sức khỏe người lao động được đảm bảo, văn hóa an toàn được nâng cao.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công tác bảo vệ môi trường của Tập đoàn và các đơn vị thành viên nhìn chung được tuân thủ đầy đủ trong thời gian qua. Các quy định mới về pháp luật đều được cập nhật, đánh giá và triển khai kịp thời.

Bên cạnh việc lập và trình phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với 4 dự án đầu tư công trình sản xuất mới theo đúng quy định, trong năm 2016 Tập đoàn đã tổ chức kiểm tra công tác ATSKMT tại 48 đơn vị cơ sở, kiểm toán ATSKMT định kỳ đối với 10 nhà thầu/nhà điều hành dầu khí và kết hợp với Bộ Công Thương kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các công trình, nhà máy trọng điểm thuộc PV Power, PTSC, PV Gas, DQS và PVCFC trên phạm vi cả nước.

Ngoài ra, Tập đoàn đã và đang phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật trong lĩnh vực ATSKMT như:

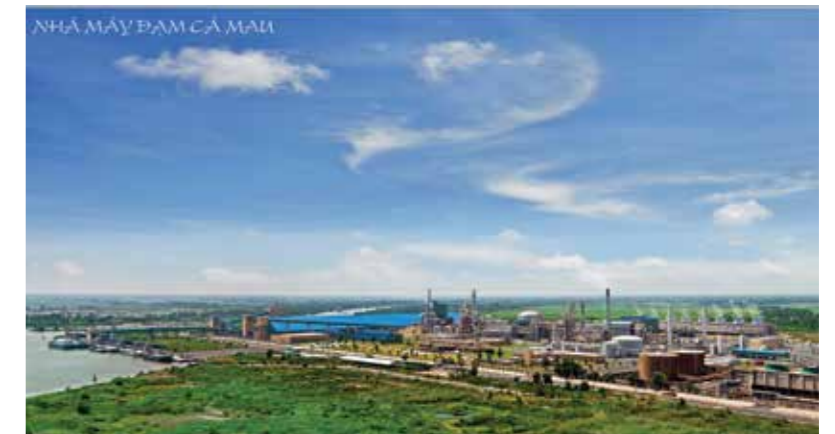
- Kế hoạch hành động Quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;
- Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định điều kiện cho phép sử dụng chất phân tán tại Việt Nam phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu.

Năm 2016, công tác bảo vệ môi trường tại các dự án nhiệt điện than của Tập đoàn được đặc biệt quan tâm. Tập đoàn hiện đang vận hành Nhà máy Nhiệt điện (chạy than) Vũng Áng 1 và trong tương lai sẽ vận hành Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Các nguồn khí thải, nước làm mát thải, nước thải công nghiệp, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường và tro xỉ thải từ Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Vũng Áng 1 được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy chuẩn, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, hiện nay Bộ Xây dựng chưa ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với tro xỉ được phép sử dụng làm vật liệu xây dựng, vật liệu san nền, đầm lấn nên chưa có cơ sở pháp lý cho các đơn vị/hộ tiêu thụ sử dụng nguồn tro xỉ của nhà máy. Chính vì vậy, tro xỉ được xem là chất thải rắn công nghiệp thông thường không phải là nguyên liệu vật liệu xây dựng, điều này đã gây khó khăn cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 cũng như cho tất cả các nhà máy nhiệt điện đốt than tại Việt Nam khi triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 23/9/2014 về một số giải pháp thực hiện xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, nhà máy phân bón để làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng (sản xuất xi măng, gạch không nung...).

Tập đoàn đã tổ chức khảo sát, đánh giá hiện trạng phát thải và công tác xử lý, tái sử dụng tro xỉ thải tại các nhà máy nhiệt điện đốt than tại Việt Nam, đồng thời tìm hiểu các công nghệ xử lý, tiêu chuẩn và thông lệ quản lý tro xỉ thải đốt than của quốc tế làm cơ sở tham vấn với các cơ quan quản lý nhà nước tháo gỡ các vướng mắc nêu trên. Cụ thể Tập đoàn đã kiến nghị:

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành thông tư hướng dẫn cụ thể để các nhà máy nhiệt điện và các đơn vị tiêu thụ có thể quản lý và sử dụng tro bay đúng quy định, đảm bảo môi trường, an ninh năng lượng và tiết kiệm nguồn tài nguyên;
- Đề nghị Bộ Xây dựng phối hợp với các Bộ liên quan sớm ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với tro xỉ được phép sử dụng làm vật liệu xây dựng, vật liệu san nền, đầm lấn.



ỨNG PHÓ KHẨN CẤP

Như đã nêu ở trên, công tác nâng cao năng lực ứng phó tình huống khẩn cấp được Tập đoàn đặt làm công tác trọng tâm trong năm 2016, thông qua việc hoàn thiện Đề án “Xây dựng hệ thống thông tin và nâng cấp văn phòng trực tình huống khẩn cấp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” nhằm nâng cao khả năng ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp; Hiện nay các tổng công ty như PVD, PV Gas, PTSC, PVT, PVEP và Liên doanh VSP đã tham gia vào hệ thống.

Đề án “Xây dựng hệ thống thông tin và nâng cấp Văn phòng trực tình huống khẩn cấp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam” được triển khai với 3 mục tiêu cụ thể:

- Kết nối thông suốt các hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó tình huống khẩn cấp giữa các trung tâm ứng phó sự cố thuộc Tập đoàn và các đơn vị thành viên thông qua cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại (teleconference, videoconference, liên lạc vệ tinh, GIS...);
- Giám sát và theo dõi vị trí, hành trình của các giàn, tàu dầu khí của Tập đoàn;
- Cung cấp chỉ dẫn tham chiếu cho các hoạt động chuẩn bị nguồn lực và ứng phó tình huống khẩn cấp.

Việc thực hiện đề án đã mang lại một bổ sung quan trọng về cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ công tác ứng cứu khẩn cấp gồm:

- Hệ thống teleconference;
- Hệ thống videoconference;
- Hệ thống liên lạc qua vệ tinh Inmarsat;
- Hệ thống quản trị ứng cứu khẩn cấp trên nền thông tin địa lý GIS thông qua mạng riêng PV-WAN.

Đến cuối năm 2016, Văn phòng Ứng cứu khẩn cấp của Tập đoàn và 5 trung tâm ứng phó đặt tại các tổng công ty gồm VSP, PVEP, PVD, PTSC và PV Trans đã hoàn thành việc kết nối teleconference, videoconference. Mặt khác, hơn 20 đơn vị cơ sở đã kết nối hệ thống địa lý GIS qua PV-WAN. Hệ thống GIS hiện cho phép giám sát và theo dõi vị trí, hành trình của hơn 150 giàn, tàu dầu khí ngoài khơi của Tập đoàn và cung cấp 10 lớp thông tin phục vụ công tác ứng cứu khẩn cấp như thời tiết (gió, mưa, nhiệt độ), hải văn (sóng, dòng chảy) và hoạt động dầu khí của Tập đoàn.



Tập đoàn và các đơn vị cơ sở tiếp tục tiến hành nghiêm túc công tác lập và trình cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt các hồ sơ an toàn theo quy định. Cụ thể trong năm 2016, Tập đoàn và các đơn vị đã lập và trình cơ quan nhà nước phê duyệt chương trình quản lý an toàn, báo cáo đánh giá rủi ro, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp cho 15 công trình và dự án dầu khí thuộc các đơn vị VSP, PVEP, PVEP POC... Mặt khác, Tập đoàn đã tổ chức 6 hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho các công ty và nhà thầu theo đúng chức năng được cơ quan quản lý nhà nước phân công.

Hoạt động diễn tập ứng phó tiếp tục được tổ chức định kỳ, nhằm chuẩn bị tốt năng lực ứng phó bảo vệ an toàn, người

lao động, tài sản và môi trường. Một số đợt diễn tập đã được Tập đoàn phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện trong năm 2016 bao gồm:

- Diễn tập ứng cứu khẩn cấp tại giàn khoan của Biển Đông ngày 28/4/2016;
- Diễn tập phòng chống khủng bố tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vào ngày 16/9/2016;
- Diễn tập PCCC, CNCH, xử lý tràn dầu, hóa chất của Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn ngày 03/11/2016;
- Ngoài ra, Tập đoàn còn tổ chức diễn tập thông tin với các nhà thầu như: JVPC, KNOC...



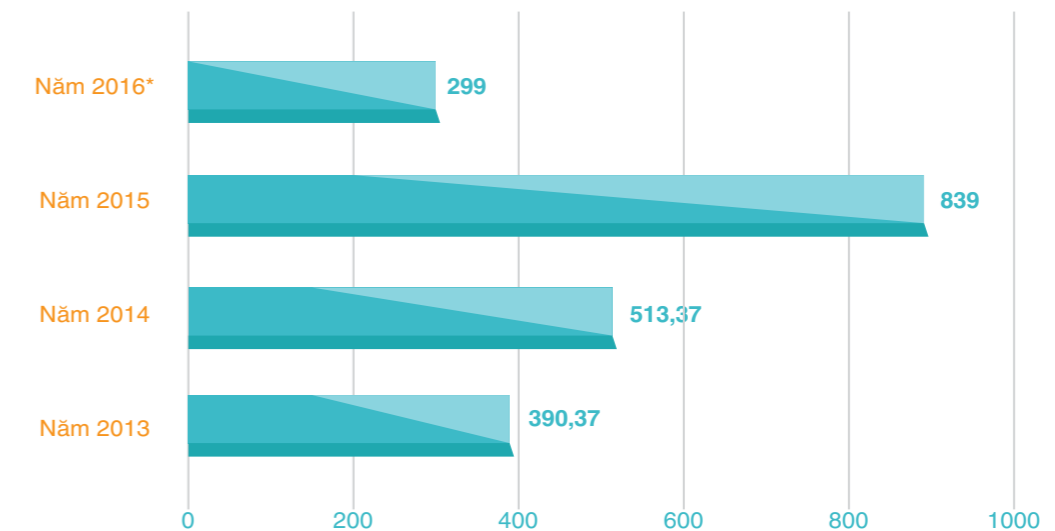
VII: CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2016

NĂNG LƯỢNG, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU CHÍNH ĐÃ TIÊU THỤ

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

Từ năm 2013 đến 2016, nhu cầu sử dụng năng lượng điện hằng năm của Tập đoàn đang có xu hướng tăng trung bình khoảng 20% mỗi năm, tương ứng với sự mở rộng quy mô sản xuất - kinh doanh của Tập đoàn trong cùng thời kỳ.

Tiêu thụ điện giai đoạn 2013-2016* (triệu kWh)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Đặc biệt trong năm 2015, lượng điện tiêu thụ của Tập đoàn có sự biến động đáng kể so với các năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2016. Nguyên nhân do Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ của PVTEX bắt đầu được đưa vào vận hành trong thời gian quý I và III năm 2015 với lượng điện tiêu thụ trung bình 6,5 triệu kWh/tháng. Tuy nhiên, Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ đã cắt giảm công suất vận hành từ quý IV năm 2015 và tạm thời dừng hoạt động từ đầu năm 2016, dẫn đến sự gia tăng tạm thời lượng điện tiêu thụ của Tập đoàn trong giai đoạn nêu trên.

Hiện nay, Tập đoàn đã từng bước nghiên cứu áp dụng các giải pháp tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả, tiến hành các dự án kiểm toán năng lượng trong Tập đoàn nhằm đạt được mục tiêu tập đoàn kinh tế vững mạnh và phát triển bền vững. Một số dự án về tiết kiệm năng lượng đã được triển khai thực hiện như: Hoàn thành kiểm toán năng lượng và xây dựng báo cáo đầu tư các giải pháp tiết kiệm năng lượng cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1; Khách sạn Dầu khí PTSC tại Vũng Tàu, Khách sạn VSP Đà Lạt; hoàn thành khảo sát, đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng cho VSP, PTSC, PV Oil, PV Power, PV Gas...

NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU TIÊU THỤ KHÁC

Tổng hợp khối lượng nguyên liệu, vật tư tiêu thụ cho một số hoạt động cốt lõi của Tập đoàn được thống kê như sau:

Lĩnh vực hoạt động	Nguyên liệu tiêu thụ					
	Loại nguyên liệu	Đơn vị	2013	2014	2015	2016*
Công nghiệp điện	Khí khô/ khí thương phẩm	tỷ m ³	2,82	2,67	2,94	3,15
	Than	tấn	-	228.360	1.326.554	677.159
	Dầu (FO+DO)	tấn	12.380	17.828	14.781	22.339
Lọc hóa dầu(**)	Dầu thô	triệu tấn	7,25	5,62	6,93	3,60
Sản xuất đạm	Khí khô/ khí thương phẩm	triệu m ³	1,01	1,03	1,02	1,03

*: Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

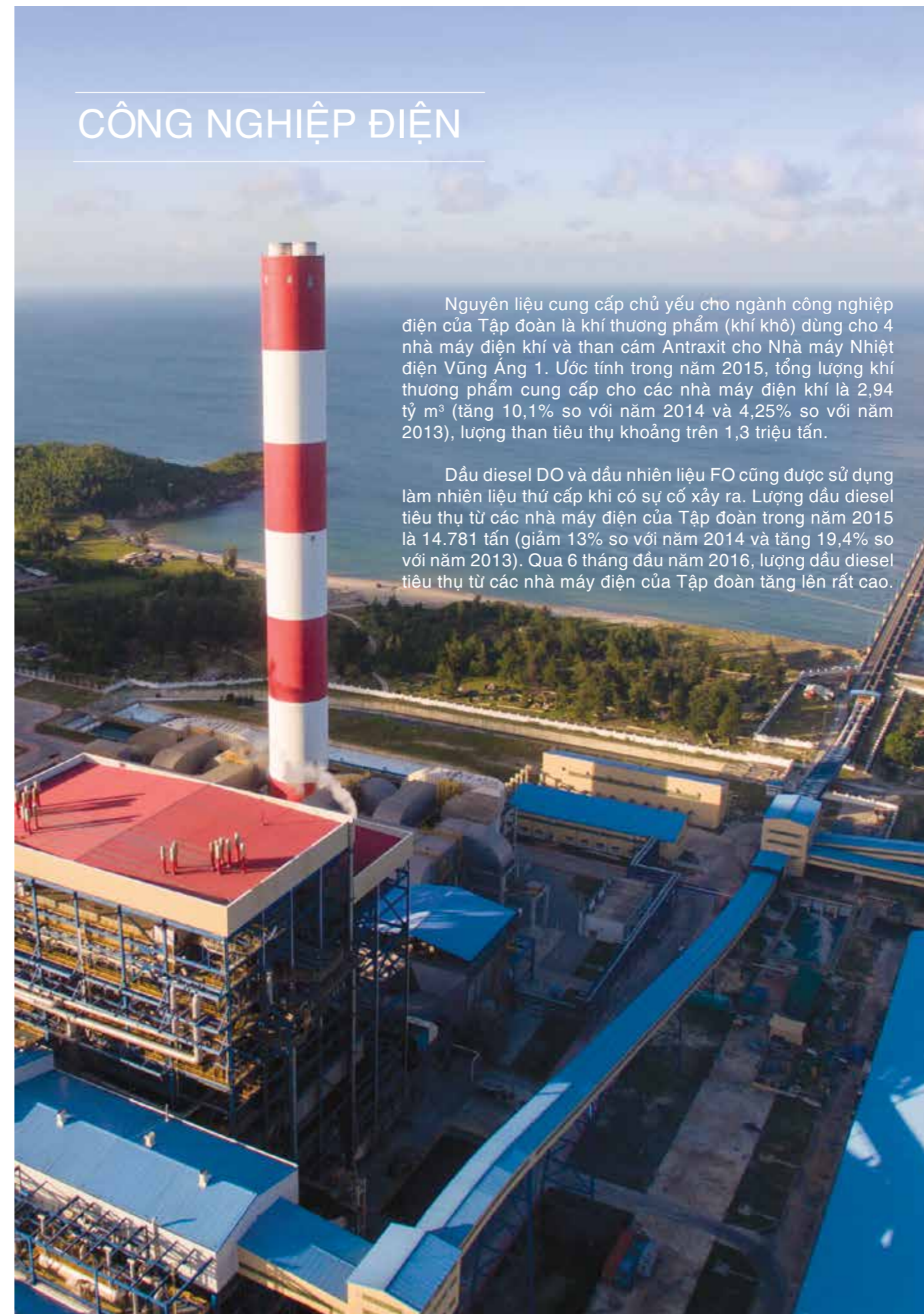
** : Sản lượng tính cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.



CÔNG NGHIỆP ĐIỆN

Nguyên liệu cung cấp chủ yếu cho ngành công nghiệp điện của Tập đoàn là khí thương phẩm (khí khô) dùng cho 4 nhà máy điện khí và than cám Antraxit cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Ước tính trong năm 2015, tổng lượng khí thương phẩm cung cấp cho các nhà máy điện khí là 2,94 tỷ m³ (tăng 10,1% so với năm 2014 và 4,25% so với năm 2013), lượng than tiêu thụ khoảng trên 1,3 triệu tấn.

Dầu diesel DO và dầu nhiên liệu FO cũng được sử dụng làm nhiên liệu thứ cấp khi có sự cố xảy ra. Lượng dầu diesel tiêu thụ từ các nhà máy điện của Tập đoàn trong năm 2015 là 14.781 tấn (giảm 13% so với năm 2014 và tăng 19,4% so với năm 2013). Qua 6 tháng đầu năm 2016, lượng dầu diesel tiêu thụ từ các nhà máy điện của Tập đoàn tăng lên rất cao.



CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN DẦU KHÍ

Nhà máy Lọc dầu Dung Quất là nhà máy lọc dầu đầu tiên tại Việt Nam với công suất chế biến 6,5 triệu tấn nguyên liệu dầu thô/năm. Năm 2015, sản lượng dầu thô cung cấp cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đạt giá trị cao nhất là 6,93 triệu tấn, tăng 23,3% so với năm 2014. Ngày 04/11/2016, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã hoàn thành chỉ tiêu sản lượng 5,69 triệu tấn sản phẩm các loại, về đích sớm 1 tháng 26 ngày so với kế hoạch Chính phủ giao năm 2016. Hiện nay, BSR đang tập trung cho nâng cấp, mở rộng nhà máy để nâng công suất từ

6,5 triệu tấn/năm lên 8,5 triệu tấn/năm; dự kiến hoàn thành vào năm 2022 và tiến hành cổ phần hóa nhà máy theo lộ trình trong năm 2017.

Nhà máy Đạm Phú Mỹ và Nhà máy Đạm Cà Mau có tổng công suất là 1.600.000 tấn sản phẩm urê/năm. Nguyên liệu chính cung cấp cho các hoạt động của các nhà máy đạm là khí thương phẩm (khí khô). Tổng lượng khí thương phẩm cung cấp cho 2 nhà máy đạm của Tập đoàn trong năm 2015 là 1.020 tỷ m³, giảm 13 tỷ m³ so với mức tiêu thụ năm 2014.

NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐÃ SẢN XUẤT

Tổng hợp sản lượng điện và nhiên liệu sinh học đã được Tập đoàn sản xuất trong giai đoạn 2013 - 2016 được thống kê trong bảng dưới đây.

Năng lượng tái tạo	Nhà máy	2013	2014	2015	2016
Thủy điện (triệu kW)	Nhà máy Thủy điện Hỏa Na	657,2	672	459,2	555,9
	Nhà máy Thủy điện Đắkdrinh	-	363	515,6	436,2
	Nhà máy Thủy điện Nậm Cắt	9,75	16,4	15,7	14,8
Nhiên liệu sinh học (m ³ /năm)	Nhà máy Bioethanol Dung Quất	27	17.590	22.400	-



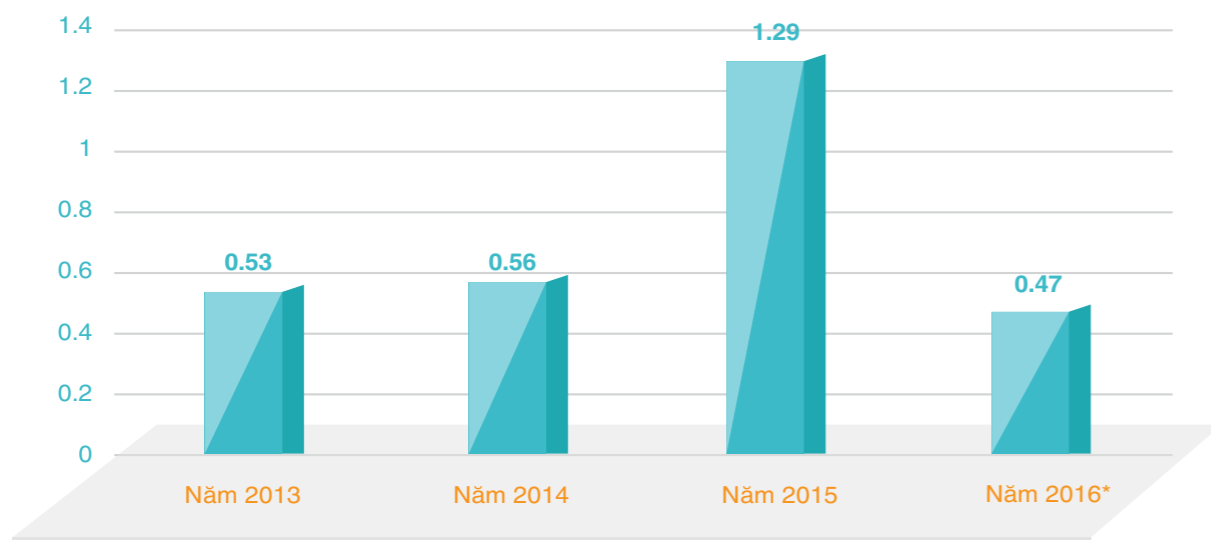
LƯỢNG HYDROCACBON ĐỐT BỎ

Quan điểm “Hạn chế đốt bỏ, triệt để thu hồi và sử dụng khí đồng hành” đã được Tập đoàn áp dụng nghiêm ngặt đối với tất cả các nhà thầu dầu khí khai thác ngoài khơi trong những năm vừa qua. Lượng khí hydrocacbon đốt bỏ trên các công trình khai thác ngoài khơi chủ yếu là từ hoạt động duy trì được đốt trên giàn, hoạt động đốt khẩn cấp. Các trường hợp chưa thể/không thể thực hiện thu hồi khí đồng hành (do không khả thi về điều kiện kinh tế, khó khăn do tình hình thực tế tại đơn vị...) phải báo cáo Tập đoàn và trình Bộ Công Thương xem xét và chấp thuận.

Việc xây dựng các đường ống thu gom khí Rạng Đông - Bạch Hổ - Phú Mỹ, Nam Côn Sơn, PM3 - Cà Mau, Thái Bình, Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 1 đã giúp thu hồi tối đa lượng khí đồng hành và khí đang khai thác từ các bể Cừu Long, Nam Côn Sơn, các mỏ khí khu vực Tây Nam Bộ và bể Sông Hồng thay vì đốt bỏ. Trong tương lai, Tập đoàn sẽ triển khai xây dựng tiếp các đường ống thu gom khí Nam Côn Sơn 2 - Giai đoạn 2 và đường ống Lô B - Ô Môn nhằm tận thu nguồn khí từ các mỏ khai thác tại Việt Nam. Trong số 27 mỏ dầu đang khai thác tại Việt Nam có 18 mỏ dầu (64,29%) đã thực hiện thu gom khí đồng hành và 9 mỏ dầu chưa thực hiện thu gom khí đồng hành (Ruby, Gấu Trắng, Thỏ Trắng, Pearl, Topaz, Diamond, Thăng Long, Đông Đô, Sông Đốc).

Tuy nhiên, tổng hợp khối lượng khí đồng hành được đốt bỏ hiện đang có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2013-2016. Điều này là do một số mỏ khí được đưa vào khai thác trong giai đoạn này như mỏ Sư Tử Trắng, mỏ Thiên Ưng... dẫn đến sự gia tăng việc đốt khí để duy trì được đốt trên các giàn và đốt xả áp trong trường hợp sự cố. Bên cạnh đó, một số mỏ hiện nay chưa thể thu gom được khí đồng hành do điều kiện chưa cho phép như sản lượng khí đồng hành tại các mỏ này suy giảm, không khả thi để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, vận chuyển khí... nên phải đốt bỏ. Ngoài ra, việc đốt bỏ trên các tàu FPSO làm gia tăng đáng kể lượng HC đốt bỏ.

Tổng lượng khí đốt bỏ ngoài khơi giai đoạn 2013-2016 (triệu tấn)



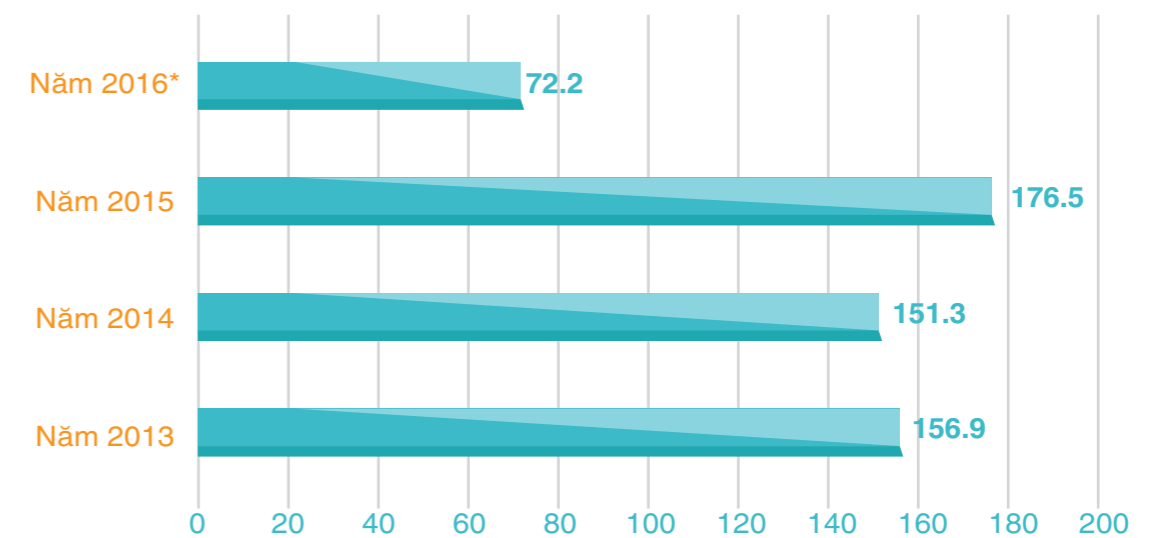
* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Trong tương lai, Tập đoàn cùng với các nhà thầu sẽ cố gắng kiểm soát tốt hơn nữa các hoạt động khai thác dầu khí ngoài khơi, giảm tối đa các sự cố vượt áp nhằm hạn chế tối đa lượng hydrocacbon đốt bỏ.

KHÍ THẢI TỪ CÁC NHÀ MÁY TRÊN BỜ

Đối với các nhà máy trên bờ, nguồn phát sinh khí thải chính có nguồn gốc từ hoạt động tiêu thụ nhiên liệu phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Lượng khí thải phát thải trong giai đoạn 2013 đến hết 6 tháng đầu năm 2016 như sau:

Tải lượng khí thải trên bờ giai đoạn 2013-2016* (tỷ m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Tải lượng khí thải trên bờ hằng năm của Tập đoàn trong giai đoạn 2013-2014 chỉ có sự dao động tương đối nhỏ nhưng tăng mạnh trong năm 2015 do Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng được bắt đầu vận hành từ cuối năm 2014. Số liệu 6 tháng đầu năm 2016 cho thấy, tải lượng khí thải có xu hướng giảm so với năm 2015, nguyên nhân do 1 tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện than Vũng Áng bị sự cố phải tạm ngừng hoạt động từ đầu năm 2016.

Chất lượng khí thải được quan trắc tại các nhà máy hóa dầu, điện và đạm đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Tại một số nhà máy như Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Nhà máy Đạm Cà Mau và các nhà máy điện đều có hệ thống quan trắc tự động khí thải CEMS, dữ liệu được truyền trực tiếp về phòng điều khiển của nhà máy.

Từ năm 2015, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã bắt đầu nghiên cứu khả thi thu hồi và hóa lỏng CO₂ từ khí thải của quá trình phát điện, giải pháp này đầu tiên được áp dụng cho các nhà máy điện tại Việt Nam và mang lại triển vọng lớn cho việc cắt giảm khí nhà kính trong tương lai.

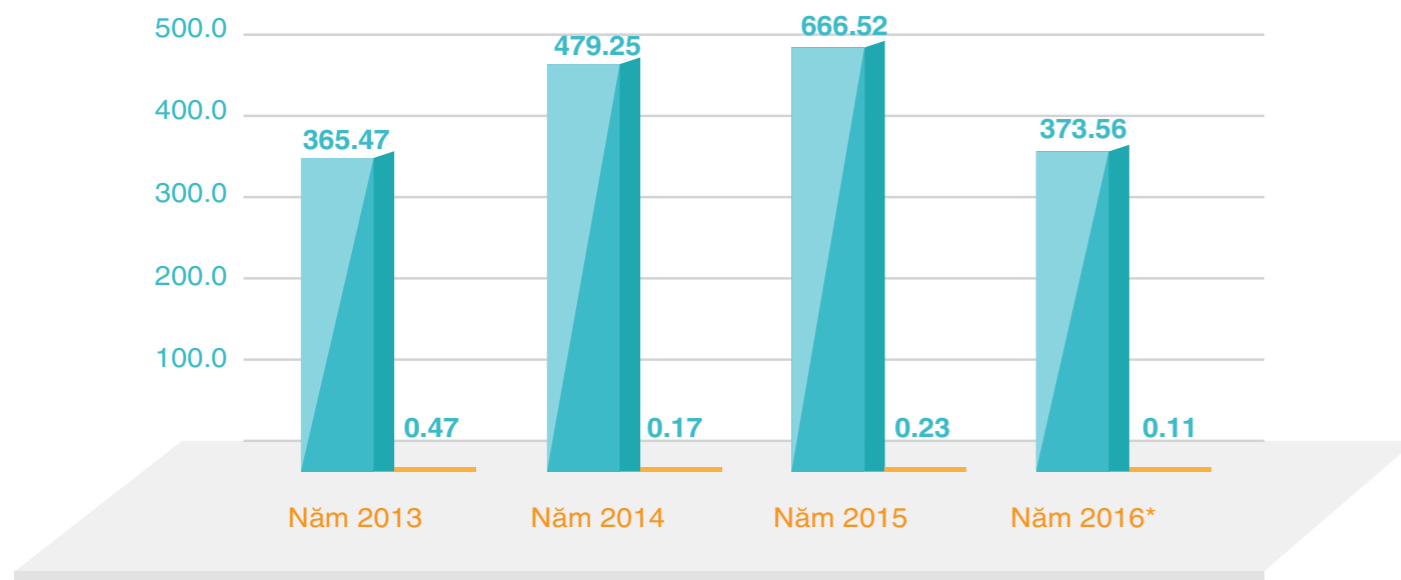
SỬ DỤNG NƯỚC VÀ NƯỚC THẢI

Nguồn nước sử dụng cho các cụm công trình dầu khí trên bờ chủ yếu là nước mặt (99,9%). Nước mặt lấy từ các nhà máy cấp nước được dùng để phục sản xuất, sinh hoạt và một phần dành cho công tác phòng cháy chữa cháy. Nước mặt lấy trực tiếp từ các sông rạch và khu vực ven biển được sử dụng để làm mát hệ thống công nghệ. Ngoài nước mặt, nước ngầm cũng được sử dụng cho một số công trình/nhà máy trên bờ nhưng chiếm một tỉ lệ rất nhỏ (0,1%).

Nước sử dụng	2013	2014	2015	2016*
Nước mặt (m ³ /năm)	365.474.862	479.246.714	666.515.575	373.559.361
Nước ngầm (m ³ /năm)	465.232	171.768	229.081	107.757
Tổng	365.940.094	479.418.482	666.744.656	373.667.118

* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Tổng lượng nước sử dụng giai đoạn 2013-2016* (triệu m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

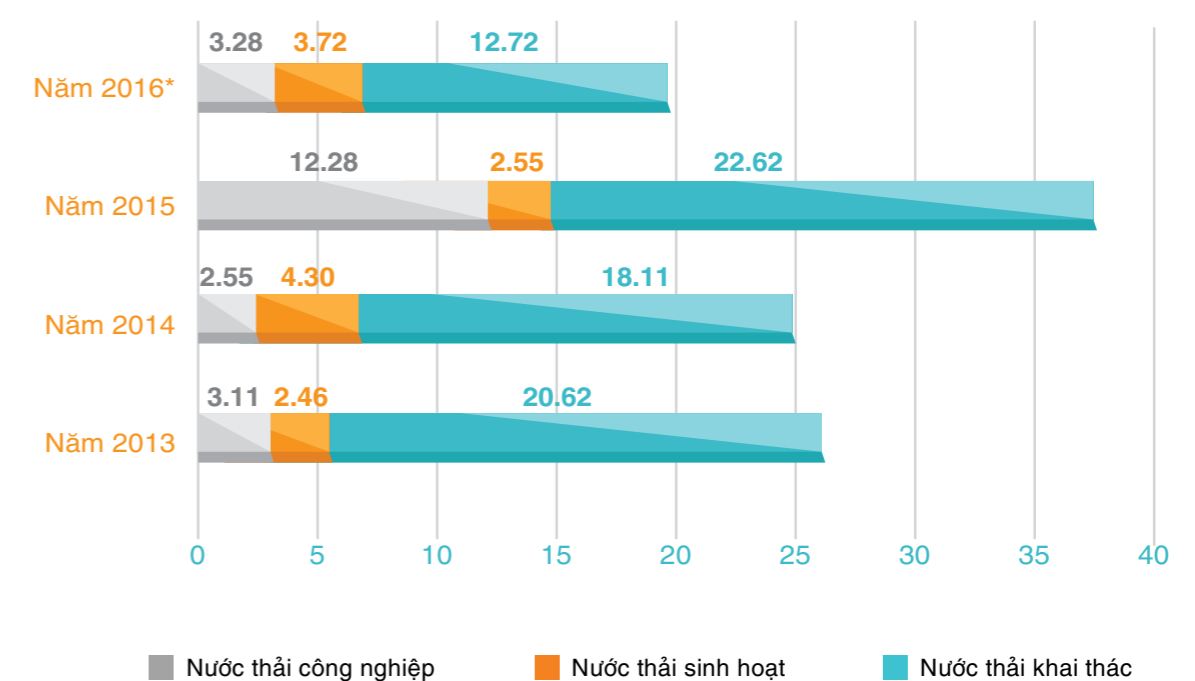
Tổng lượng nước mặt sử dụng cho các cụm công trình dầu khí trên bờ giai đoạn từ 2013 đến 2016 tăng dần với tốc độ trung bình 24-28% mỗi năm, chủ yếu phục vụ cho việc làm mát tại các nhà máy nhiệt điện mới được vận hành. Với mục đích sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, nước sử dụng để làm mát tại các nhà máy điện và nhà máy lọc dầu được tái tuần hoàn.

Nước thải phát sinh trong các hoạt động dầu khí chủ yếu là nước khai thác thải tại các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi. Trong giai đoạn 2013-2016, lượng nước khai thác thải dao động trong khoảng 18-22 triệu m³/năm, chiếm đến 68,4% tổng lượng nước thải. Nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt chiếm tỉ lệ nhỏ trong khoảng 19,4% và 12% tương ứng. Điều này cũng phản ánh hoạt động khai thác dầu khí hiện đang là hoạt động trọng tâm của Tập đoàn.

Nước thải	2013	2014	2015	2016*
Nước thải công nghiệp (m ³ /năm)	3.108.726	2.545.718	12.282.502	3.280.965
Nước thải sinh hoạt (m ³ /năm)	2.456.349	4.297.984	2.547.906	3.718.908
Nước khai thác thải (m ³ /năm)	20.616.370	18.108.479	22.622.688	12.718.995
Tổng	26.181.445	24.952.181	37.453.096	19.718.868

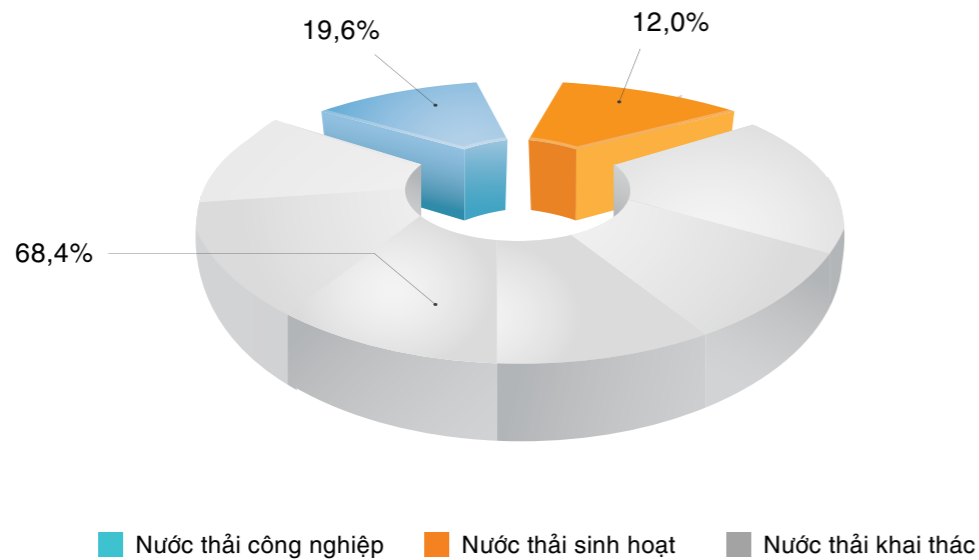
* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Tổng lượng nước thải giai đoạn 2013-2016* (triệu m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Thành phần nước thải giai đoạn 2013-2016*



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Tại các công trình khai thác dầu khí ngoài khơi, nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, đặc biệt nước vỉa thải từ quá trình khai thác dầu khí ngoài khơi được kiểm soát và xử lý phù hợp với quy định về hàm lượng dầu trước khi thải xuống biển cũng như các loại nước nhiễm dầu khác (QCVN 35:2010/BTNMT với hàm lượng dầu trong nước khai thác sau xử lý luôn <40 mg/l). Thực tế, một số nhà thầu dầu khí (CLJOC, HLJOC, JVPC, POVO...) luôn duy trì hàm lượng dầu trong nước khai thác sau xử lý không vượt quá 35 mg/l, giảm 14% so với quy chuẩn.

Các đơn vị đã tiến hành công tác giám sát môi trường định kỳ đầy đủ, phù hợp với cam kết tại báo cáo ĐTM và các hướng dẫn về giám sát môi trường của Tập đoàn. Kết quả giám sát môi trường định kỳ cho thấy, các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Tại các tổ hợp lọc hóa dầu, nhà máy đạm, nhà máy điện và các công trình dầu khí khác trên bờ, Tập đoàn luôn chủ động đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung (nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt) hiện đại, đáp ứng các quy chuẩn nước thải của Việt Nam và tiêu chuẩn của các tổ chức cho vay vốn quốc tế (WB, IFC, ADB...). Các dòng thải riêng biệt (hóa chất, nhiễm dầu, sinh hoạt) được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý triệt để. Điển hình như Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng màng sinh học MBR hiện đại với công suất 680m³/ngày.

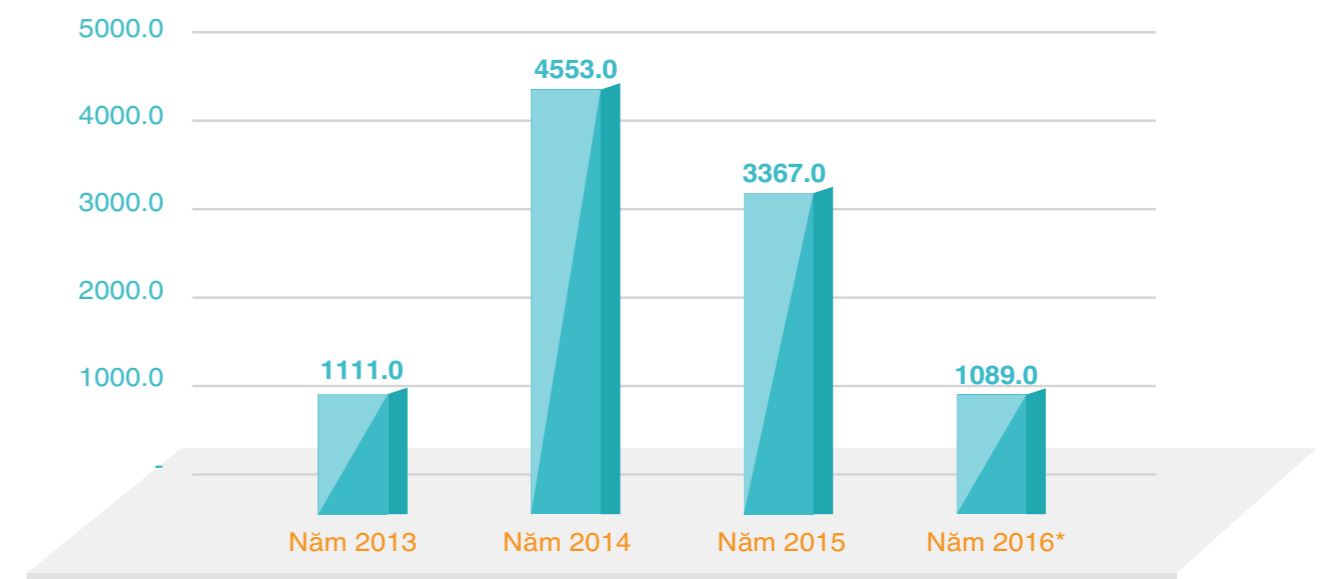


CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP

MÙN KHOAN THẢI

Mùn khoan từ hoạt động khoan sử dụng dung dịch khoan nền không nước được đặc biệt quan tâm và được quản lý theo quy định tại QCVN 36:2010/BTNMT. Thống kê tải lượng mùn khoan thải trong các hoạt động khoan sử dụng dung dịch khoan nền không nước giai đoạn 2013-2016 cho thấy, có sự gia tăng trong sử dụng dung dịch khoan nền tổng hợp trong hoạt động khoan thăm dò và khai thác, trong khi mùn khoan nền nước có xu hướng giảm nhiều. Nguyên nhân của sự gia tăng này là việc Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí đang dần dần tiến hành thăm dò, phát triển mỏ tại các khu vực mới, có mực nước sâu và xa bờ. Việc chuyển đổi sang sử dụng các dung dịch khoan nền không nước không chỉ đảm bảo an toàn và giải quyết các phức tạp kỹ thuật, mà còn giúp tiết kiệm chi phí, giảm giá thành của công tác khoan. Đặc biệt với bối cảnh giá dầu trên thế giới đang giảm mạnh, tối ưu chi phí khoan là một vấn đề quan trọng và dự báo việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước sẽ tiếp tục được đẩy mạnh tại thêm lục địa của Việt Nam trong những năm sắp tới.

Mùn khoan nền không nước thải giai đoạn 2013-2016* (triệu m³)



* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Tập đoàn phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước trong hoạt động khoan. Chỉ những hệ dung dịch khoan nền không nước có độc tính thấp theo tiêu chuẩn quốc tế mới được phép xem xét sử dụng tại vùng biển của Việt Nam. Ngoài ra, dự án sử dụng dung dịch khoan nền không nước được đánh giá chi tiết về tác động môi trường có thể gây ra, trên cơ sở đó xác định, các biện pháp giảm thiểu sẽ được triển khai để tránh gây tác động đáng kể tới chất lượng môi trường biển và các nguồn lợi sinh học. Mùn khoan được xử lý bằng hệ thống xử lý chất thải rắn theo thông lệ quốc tế gồm sàng rung, tách cát, tách bùn, ly tâm và sấy khô trước khi thải xuống biển (hàm lượng dung dịch khoan bám dính < 9,5% theo quy định). Hơn nữa, việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước còn được giám sát chặt chẽ và báo cáo định kỳ trong suốt quá trình triển khai. Công tác quan trắc môi trường được tiến hành sau khi kết thúc hoạt động khoan và báo cáo đầy đủ tới các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

Cho đến nay, việc triển khai đồng bộ các biện pháp nêu trên đã mang lại kết quả tích cực trong việc giảm thiểu tác động từ việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước. Đây cũng là một căn cứ để Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí làm cơ sở tiếp tục phát triển việc sử dụng dung dịch khoan nền không nước phù hợp với quy định pháp luật của Việt Nam, thông lệ của quốc tế và đòi hỏi thực tiễn của nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

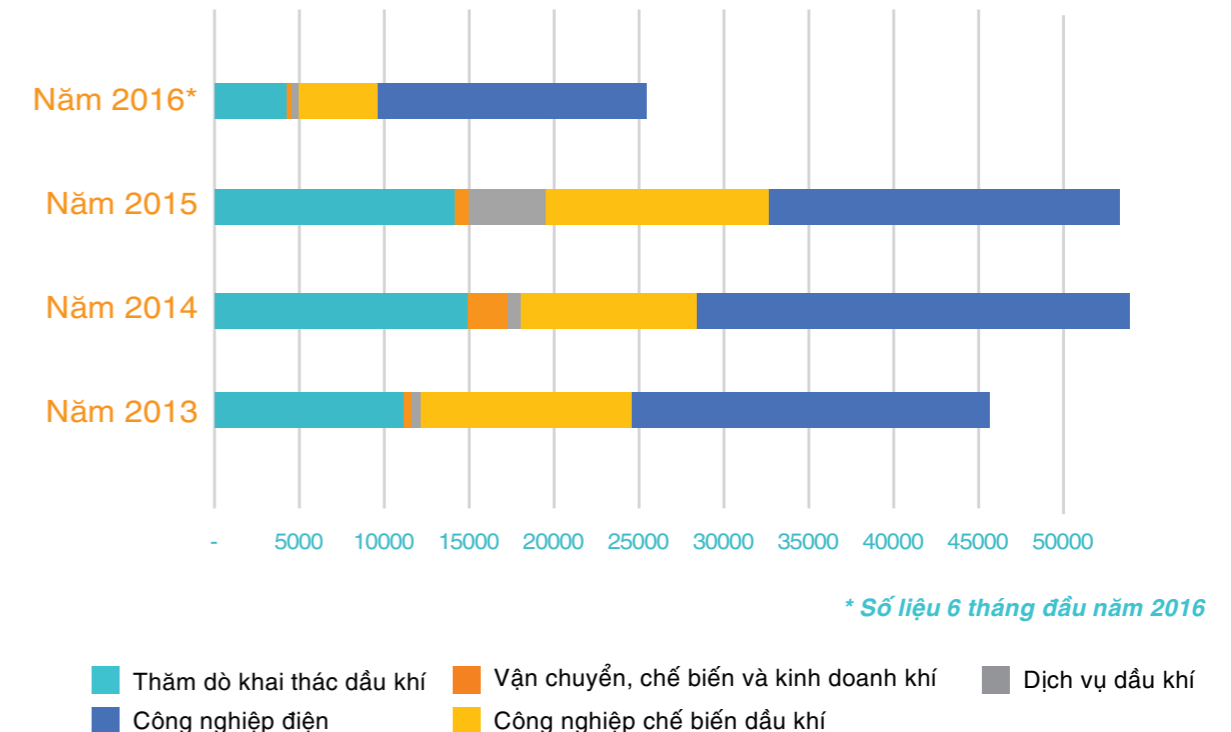
Thống kê lượng chất thải trong hoạt động dầu khí tại Việt Nam trong giai đoạn 2013-2016 được trình bày trong bảng dưới đây.

Năm	Chất thải rắn thông thường				Chất thải nguy hại			
	2013	2014	2015	2016*	2013	2014	2015	2016*
Thăm dò khai thác dầu khí	5.400	6.195	5.823	1.991	4.608	7.176	6.876	1.879
Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí	238	1.657	360	113	119	506	384	184
Công nghiệp điện	496	669	4.020	368	44	47	103	52
Công nghiệp chế biến dầu khí	10.013	8.174	10.674	3.633	1.280	1.191	1.099	526
Dịch vụ dầu khí	14.736	14.861	13.413	10.247	4.077	7.867	5.047	3.878
Tổng cộng	30.883	31.556	34.290	16.352	10.128	16.787	13.510	6.519

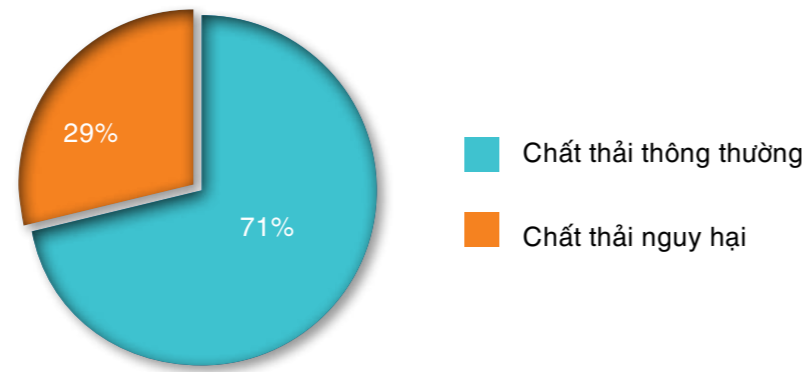
* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016



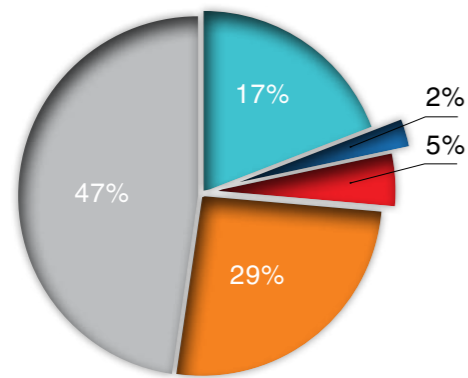
Chất thải công nghiệp giai đoạn 2013-2016* (tấn)



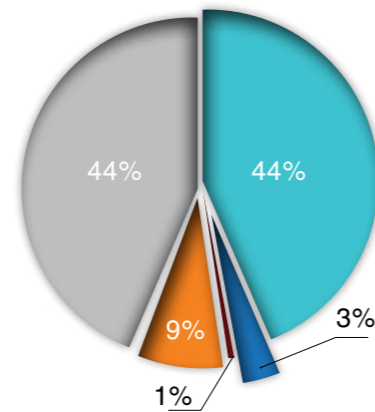
Thành phần chất thải công nghiệp giai đoạn 2013 - 2016*



Thành phần chất thải thông thường giai đoạn 2013 - 2016*



Thành phần chất thải nguy hại giai đoạn 2013 - 2016*



■ Thăm dò khai thác dầu khí ■ Vận chuyển, chế biến và kinh doanh khí ■ Dịch vụ dầu khí
■ Công nghiệp điện ■ Công nghiệp chế biến dầu khí

* Số liệu 6 tháng đầu năm 2016

Trong giai đoạn 2013 - 2016, các hoạt động thăm dò khai thác dầu khí, dịch vụ kỹ thuật dầu khí và chế biến dầu khí góp trên 95% tổng khối lượng chất thải phát sinh, phản ánh đúng vai trò quan trọng của 3 lĩnh vực sản xuất kinh doanh nói trên trong cơ cấu hoạt động của Tập đoàn. Chất thải nguy hại hiện đang chiếm 29% trong tổng số khối lượng chất thải phát sinh. Tốc độ gia tăng trung bình của khối lượng chất thải phát sinh hiện ở mức 10-20% mỗi năm. Khối lượng chất thải nguy hại có sự gia tăng rõ rệt trong khi khối lượng chất thải thông thường chỉ gia tăng không đáng kể.

Các nguyên nhân của sự gia tăng này gồm:

- Ngoài khơi nhiều mỏ mới được đưa vào khai thác bao gồm Hải Thạch - Mộc Tinh (BDPOC), Thổ Tráng và Gấu Tráng (VSP), Thăng Long - Đông Đô (LS-JOC)... trong khi trên bờ là Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng, Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ (PVTEX), Nhà máy Nhiên liệu sinh học Dung Quất (BSR-BF)... được đưa vào vận hành, làm tăng tổng lượng chất thải phát sinh;
- Việc sử dụng phổ biến hơn các dung dịch khoan nền không nước trong lĩnh vực thăm dò khai thác dầu khí và các nhà máy lọc dầu, đạm, điện sau một thời gian vận hành phải tiến hành công tác bảo dưỡng định kỳ, cụ thể Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Đạm Phú Mỹ... đã được tiến hành bảo dưỡng tổng thể trong giai đoạn này, làm khối lượng chất thải nguy hại có sự gia tăng.

Chất thải nguy hại phát sinh trong thăm dò khai thác dầu khí chủ yếu là cặn dầu, dầu thải, cặn dung dịch gốc tổng hợp, bùn nhiễm dầu, hóa chất gốc dầu... Trong công nghiệp chế biến dầu khí, chất thải nguy hại gồm xúc tác đã qua sử dụng bị nhiễm các thành phần nguy hại, cặn dầu thải... Hiện nay, Tập đoàn đã có những nghiên cứu để xử lý, thu hồi kim loại, tái sử dụng lại một số xúc tác đã qua sử dụng tại nhà máy lọc dầu, nhà máy đạm.

Ngoài ra, Tập đoàn yêu cầu các đơn vị thường xuyên cập nhật các nguồn thải từ hoạt động của mình, từ đó xác định rõ những rủi ro và tác động môi trường để thực hiện các hoạt động giảm thiểu phù hợp.



VIII: CÁC BÊN LIÊN QUAN - CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn củng cố và tiếp tục phát triển mối quan hệ và tương tác với nhiều bên liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từ phạm vi trong nước, đến khu vực và trên thế giới, cơ quan quản lý nhà nước từ cấp địa phương đến trung ương. Tập đoàn duy trì cơ chế chủ động trao đổi thông tin với các bên thông qua nhiều hình thức như tổ chức đối thoại, gặp gỡ định kỳ, đột xuất; tổ chức họp báo hằng quý; trình bày, báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước; trao đổi với khách hàng bằng thư điện tử...

TRÁCH NHIỆM VỚI CÁC DỰ ÁN CÓ TÁI ĐỊNH CƯ

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở luôn tuân thủ các quy định pháp luật về xã hội qua việc cam kết với địa phương, địa bàn hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh ngay từ khi bắt đầu dự án. Tập đoàn luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc trách nhiệm của chủ đầu tư thông qua các chương trình tái định cư bao gồm: bồi thường cho phần diện tích đất bị thu hồi, tài sản gắn liền trên đất bị ảnh hưởng, kèm theo hỗ trợ nơi ở/nhà ở mới, thiết lập các chương trình đào tạo, hướng nghiệp, dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp, tạo công ăn việc làm... từng bước ổn định đời sống cho các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG

Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng, Tập đoàn và các đơn vị cơ sở đã nỗ lực tuyên truyền và xây dựng một môi trường văn hóa doanh nghiệp hướng tới cộng đồng thông qua các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Dầu khí...

Các chương trình phát triển cộng đồng được thực hiện chủ yếu trên các lĩnh vực: phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, các hoạt động vì chủ quyền biển đảo và các hoạt động an sinh xã hội (ASXH), đền ơn đáp nghĩa được thực hiện thường xuyên tại các đơn vị của Tập đoàn. Công tác từ thiện, ASXH đã được tập thể lãnh đạo và người lao động trong toàn ngành xác định vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ, là lương tâm của mỗi người đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Để làm được việc này, trong nhiều năm qua công tác tuyên truyền giáo dục không ngừng được quan tâm đối với các thế hệ lãnh đạo Tập đoàn. Tập đoàn xác định ASXH là một nhiệm vụ trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm của Tập đoàn và các đơn vị cơ sở.

Để làm tốt công tác ASXH, Tập đoàn luôn phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Hội Chữ thập đỏ, cũng như các đoàn thể, địa phương, tổ chức, cá nhân trong cả nước để mang lại những đóng góp thiết thực, hiệu quả trong công tác xóa đói giảm nghèo ở những nơi đặc biệt khó khăn nhưng lại là những địa bàn chiến lược, đảm bảo sự toàn vẹn lãnh thổ cũng như an ninh quốc gia (Quần đảo Trường Sa, các huyện nghèo miền núi, biên giới...), phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới...

Trong các năm từ 2013 đến hết 6 tháng đầu năm 2016, Tập đoàn đã hỗ trợ các địa phương/tổ chức triển khai công tác ASXH nói chung và công tác giảm nghèo nói riêng bao gồm:

- Năm 2013: đạt 535 tỷ đồng;
- Năm 2014: đạt 525 tỷ đồng;
- Năm 2015: đạt 655 tỷ đồng;
- Năm 2016: kế hoạch năm 2016 là 360 tỷ đồng, thực hiện năm 2016: 230 tỷ đồng.

Kinh phí hỗ trợ chương trình ASXH được tập trung theo các nội dung: hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết, trường học/công trình giáo dục, trạm y tế/bệnh viện và thực hiện các chương trình đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ, thiên tai, từ thiện xã hội khác.



ĐẦU TƯ, PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH VÀ DỊCH VỤ PHỤC VỤ LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

Trong khuôn khổ Chương trình “Mái ấm Công đoàn Dầu khí Việt Nam” hỗ trợ cho công nhân, viên chức, lao động các đơn vị khó khăn về nhà ở, Công đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp tục phối hợp với Tập đoàn sử dụng nguồn quỹ đóng góp của công nhân, viên chức, lao động toàn Tập đoàn để xây dựng và bàn giao 2 ngôi nhà cho người lao động thuộc Công đoàn PETROSETCO với tổng số tiền là 160 triệu đồng trong năm 2016.

Ngoài ra, Công đoàn Dầu khí đã thực hiện tốt các hoạt động ủng hộ ngư dân, biển đảo, hỗ trợ kinh phí xây dựng khu tưởng niệm Tượng đài Chiến sĩ Gạc Ma với tổng số tiền hơn 4,9 tỷ đồng. Tập đoàn đã trích 2 tỷ đồng từ nguồn ASXH năm 2016 để hỗ trợ kinh phí xây dựng trạm xá tại huyện đảo Trường Sa.

Tại các đơn vị thành viên, một số hoạt động đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, công trình và dịch vụ phục vụ lợi ích cộng đồng bao gồm:

Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro

Năm 2016, Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro đã tổ chức lễ bàn giao và đưa vào sử dụng các công trình ASXH tại các tỉnh Nam Định, Hưng Yên, Hải Phòng bao gồm:

- Bàn giao công trình trường tiểu học trị giá 4,5 tỷ đồng tại xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định;
- Bàn giao công trình trường mầm non trị giá 4,5 tỷ đồng tại xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Phòng;
- Bàn giao công trình trường tiểu học trị giá 4,5 tỷ đồng tại xã Tam Đa, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

Đây là những công trình công trình được Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro tài trợ xây dựng nhằm chia sẻ và thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với những địa bàn có nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, kinh tế kém phát triển.



PV Gas

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Nhà Điều hành Hợp doanh Đường ống Khí Nam Côn Sơn (NCSP) và các bên đối tác (PV GAS, Rosneft và Perenco) đã cam kết tiếp tục tài trợ các chương trình ASXH chiến lược và trọng điểm trong năm 2016 triển khai tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu - địa bàn có các công trình khí trên bờ của NCSP. Với tổng giá trị 850 triệu đồng, các chương trình ASXH đó bao gồm nhiều dự án quan trọng, mang tính thực tiễn, hỗ trợ hiệu quả cho tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu nhiều năm qua.

Tham gia Chương trình Quốc gia giảm nghèo, NCSP đã hỗ trợ xây dựng 10 căn nhà đại đoàn kết với tổng trị giá 300 triệu đồng cho các hộ nghèo sinh sống dọc theo tuyến ống khí trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; tổ chức bàn giao nhà vào tháng 10/2016.

Học bổng Nam Côn Sơn tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ giáo dục hằng năm, NCSP thông qua Hội Khuyến học tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tổ chức trao tặng 100 suất học bổng Nam Côn Sơn với tổng trị giá 200 triệu đồng cho học sinh nghèo hiếu học thuộc các hộ nghèo sống dọc tuyến ống khí NCSP. NCSP sẽ tiếp tục hỗ trợ cho Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ và Trường Mầm non Nam Côn Sơn phát triển cơ sở vật chất dạy và học với kinh phí 120 triệu đồng.



PV Power

Thực hiện kế hoạch ASXH năm 2015, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đã tài trợ xây dựng mới Trạm y tế xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên với tổng số tiền 3,5 tỉ đồng. Công trình đã được khởi công vào tháng 11/2015 và hoàn thành, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng sau gần 8 tháng thi công nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, hộ sinh cho nhân dân xã và khu vực.



Nhân dịp kỷ niệm 69 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2016), PV Power đã tổ chức trao tặng 200 triệu đồng ủng hộ xây dựng 4 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa cho thân nhân liệt sỹ tỉnh Nghệ An.

Với tinh thần sẻ chia và góp phần mang lại tết đầm ấm cho nhân dân, trẻ em nghèo tại địa phương - nơi có nhà máy điện hoạt động - ngày 16/01/2016, Đoàn Thanh niên Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau đã thực hiện các phần việc thanh niên xung kích vì cuộc sống cộng đồng và an sinh xã hội trên địa bàn xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

PV OIL

Từ khi thành lập (ngày 06/6/2008) cho tới nay, PV OIL đã tài trợ gần 200 tỷ cho các hoạt động ASXH và từ thiện, trong đó tập trung vào các hạng mục như: tài trợ xây dựng trường học, trạm y tế, tượng đài liệt sỹ. Năm 2015, PV OIL đã tài trợ 240 nhà đại đoàn kết cho các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu với số tiền 6 tỷ đồng; tài trợ xây dựng Trường Mầm non tại Hà Tĩnh 3,5 tỷ đồng, hỗ trợ các quỹ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Quỹ Hoa phượng đỏ Hải Phòng, Quỹ Thắp sáng niềm tin số tiền 6,5 tỷ đồng.

BSR

Để góp phần giúp ngư dân sớm ổn định sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã có quyết định hỗ trợ cho ngư dân xã Bình Thuận với số tiền gần 2 tỷ đồng do họ phải di dời vùng hoạt động thủy hải sản ra khỏi khu vực hành lang an toàn Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.



Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP)

Nằm trong khuôn khổ các chương trình đầu tư xã hội chiến lược của NSRP, sân chơi thôn Trung Sơn được NSRP tài trợ và triển khai xây dựng từ cuối năm 2015 với sự tham gia đóng góp của cộng đồng thôn Trung Sơn. Công trình được kỳ vọng sẽ giúp ích đáng kể vào việc rèn luyện thể chất cho trẻ em trong làng, tạo một không gian chung cho cộng đồng nơi mọi người có thể giao lưu và tăng cường sự gắn kết. Ngoài ra, NSRP còn hỗ trợ 2 sân chơi tại xã Hải Yến và xã Tĩnh Hải.



Năm 2016, NSRP đã tổ chức ngày hội thông tin định hướng nghề nghiệp và phát triển sinh kế, nhằm hỗ trợ cho người dân trong vùng bị ảnh hưởng của Tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn ổn định cuộc sống và sinh kế. Trong quá trình thực hiện, đã có 3.727 người từ các xã Mai Lâm, Tĩnh Hải, Hải Yến và Nguyên Bình (huyện Tĩnh Gia) đăng ký vào bộ phận hỗ trợ việc làm, trong đó có hơn 1.000 người đã được kết nối việc làm.

Đây là một hoạt động nằm trong chiến lược đầu tư xã hội trong cộng đồng, chiến lược này được xây dựng nhằm hỗ trợ người dân tận dụng các cơ hội có được từ Tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, cũng như giúp giảm thiểu tối đa các tác động xã hội tiêu cực.



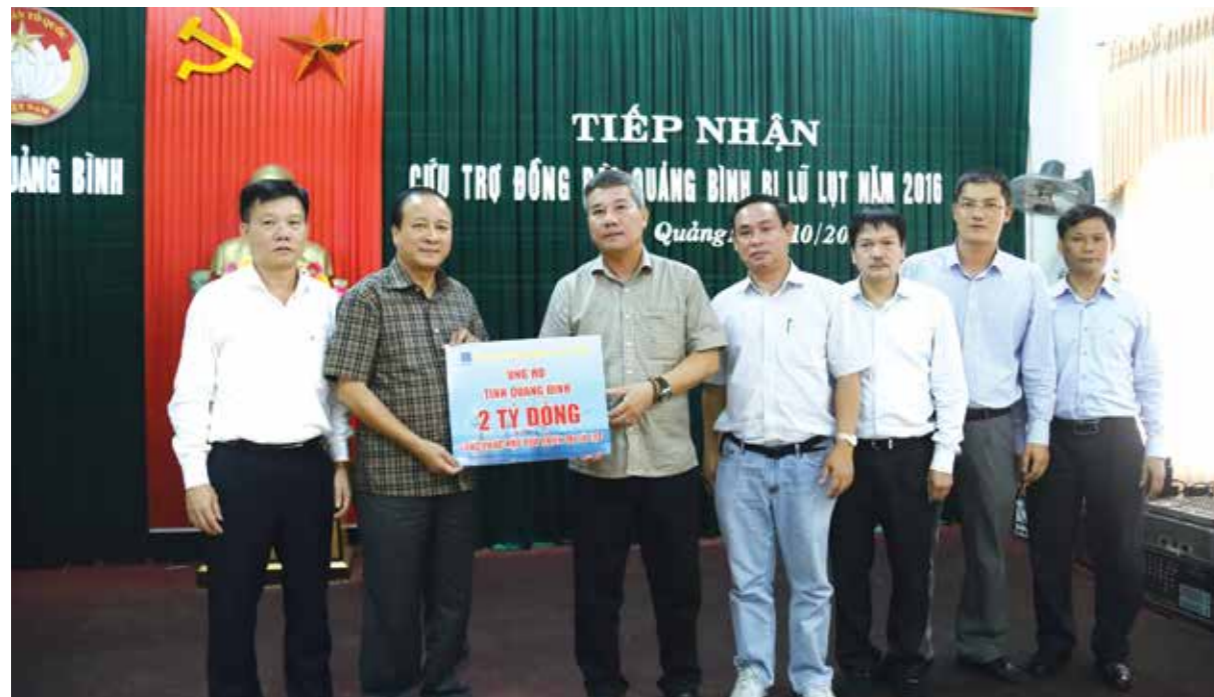
Trong thời gian tới, NSRP sẽ tiếp tục hỗ trợ người dân đăng ký và kết nối với các nhà thầu của dự án cũng như các doanh nghiệp trên địa bàn, nhằm tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp, phát triển kinh tế cho người dân địa phương. Đồng thời, NSRP sẽ tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ khác như: Chương trình hỗ trợ kỹ thuật nông nghiệp quy mô nhỏ, chương trình đào tạo kỹ năng nghề, chương trình xây dựng năng lực kinh doanh... nhằm hỗ trợ hiệu quả nhất cho người dân trong vùng bị ảnh hưởng của Tổ hợp.

CÔNG TÁC CỨU TRỢ THIÊN TAI, LŨ LỤT

Với truyền thống nhân ái, nghĩa tình của người lao động Dầu khí, cảm thông và sẻ chia những khó khăn, thiệt hại mà chính quyền và nhân dân một số tỉnh miền Trung đang phải đối mặt với trận mưa lũ vừa qua. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã triển khai ngay một chương trình hành động hết sức cụ thể, đó là tổ chức vận động các đơn vị thành viên và kêu gọi hơn 60 nghìn người lao động Dầu khí ở khắp mọi miền, quyên góp ít nhất 1 ngày lương để ủng hộ, giúp đỡ đồng bào, nhân dân vùng thiên tai.

Ngay sau khi phát động chương trình, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã trích 5 tỷ đồng trao tặng cho Mặt trận Tổ quốc các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế. Đồng thời, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục phối hợp với các địa phương, các đơn vị thành viên của Tập đoàn, các cấp Công đoàn Dầu khí Việt Nam thành lập các đoàn cứu trợ trực tiếp chuyển quà, nhu yếu phẩm cần thiết, giúp đỡ đồng bào.

Các đơn vị thành viên Tập đoàn cũng hưởng ứng và tham gia tích cực trong hoạt động ủng hộ, cứu trợ. Vietsovpetro đã ủng hộ đồng bào 1,1 tỉ đồng cho các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế để khắc phục hậu quả lũ lụt. Cụ thể, đoàn đã trao cho tỉnh Nghệ An 150 triệu đồng, tỉnh Hà Tĩnh 200 triệu đồng, tỉnh Quảng Bình 500 triệu đồng, tỉnh Quảng Trị 150 triệu đồng và tỉnh Thừa Thiên Huế 100 triệu đồng. Ngoài ra, Vietsovpetro còn trao 40 triệu đồng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Bình và 20 triệu đồng cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hà Tĩnh và trao tận tay 40 suất quà (mỗi suất 500 nghìn đồng) cho những gia đình trong xã Tiến Lộc bị thiệt hại nặng nề sau lũ. BSR đã đến thăm và trao 600 suất quà với tổng trị giá hơn 347 triệu đồng cho người dân các xã thuộc huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa và Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. PVEP đã thực hiện phát động phong trào ủng hộ đồng bào tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình, nơi bị ảnh hưởng thiên tai nhiều nhất với tổng tiền hơn 1 tỉ đồng.



HỖ TRỢ GIÁO DỤC - TRƯỜNG HỌC

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở luôn quan tâm đến việc xây dựng nguồn nhân lực nước nhà bằng cách gây quỹ học bổng giúp học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, xây dựng trường mầm non, nhà lưu trú cho học sinh, cải thiện môi trường học tập, trao học bổng đến trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ về vật chất và tinh thần, tạo cơ hội cho các em học tập. Tổng số tiền Tập đoàn chi cho hỗ trợ giáo dục, trường học giai đoạn 2012-2014 thông qua các quỹ học bổng và các chương trình như sau:



- Quỹ Học bổng giúp học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, luôn sát cánh cùng các em trong suốt quá trình học tập, giúp các em trang bị thêm văn hóa giao tiếp, ứng xử, kỹ năng sống, kinh nghiệm học tập, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Sinh viên được tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao do Đoàn Thanh niên Tập đoàn tổ chức... Mặt khác, Quỹ cũng hỗ trợ sinh viên tổ chức các hoạt động từ thiện cho trẻ em nghèo ở miền núi phía Bắc, miền Trung và TP HCM... nhằm phát huy tinh thần "tương thân tương ái, chia ngọt sẻ bùi";
- Chương trình Học bổng Đạm Phú Mỹ: PVFCCo đã trao gần 2.500 suất học bổng Đạm Phú Mỹ với tổng trị giá gần 14 tỷ đồng và là một trong những chương trình học bổng có giá trị lớn nhất trên toàn quốc;
- Học bổng khuyến tài: thông qua sự hỗ trợ của các đơn vị cơ sở như PV Gas, VSP, PVFCCo... Tập đoàn đã tài trợ cho chương trình học bổng khuyến tài 5 tỷ đồng và trao học bổng cho 460 sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vượt khó học giỏi, hỗ trợ các em vượt qua khó khăn trong suốt quá trình học đại học, vươn tới những ước mơ, phát triển tài năng phục vụ đất nước;
- Chương trình trao học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học của các đơn vị cơ sở như PVFCCo, VPI, PV Gas;
- Chương trình xây dựng trường học: Tập đoàn đã hỗ trợ xây dựng trường học, trung tâm giáo dục tại các tỉnh Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La, Cà Mau, Kiên Giang, Bến Tre, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Nghệ An, Quảng Bình, Thái Bình, Hưng Yên, Tuyên Quang;
- Tập đoàn đã hỗ trợ Đại học Quốc gia Hà Nội cải tạo, nâng cấp hội trường để phục vụ đào tạo, hội thảo quốc tế.



QUAN TÂM ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Tính đến hết năm 2014, các đơn vị cơ sở Tập đoàn đã hỗ trợ xây dựng 152 bệnh viện/trạm y tế. Ngoài ra, những hoạt động sau cũng thể hiện sự quan tâm đến sức khỏe cộng đồng của CBCNV ngành Dầu khí:

- Tổ chức khám bệnh, phát thuốc tặng quà cho người nghèo tỉnh Bến Tre, hỗ trợ bệnh nhân nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Tham gia các ngày hội hiến máu; Kết hợp với Bệnh viện Đa khoa Cà Mau tổ chức khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và quà cho gia đình nghèo tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Tổng số bà con nhân dân thăm khám là 300 người.



CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO

Tập đoàn đã ủng hộ lực lượng Kiểm ngư và Cảnh sát biển Việt Nam, tài trợ chính đối với các chương trình truyền thông bảo vệ biển và hải đảo. Ngoài ra, các đơn vị trong ngành cũng đóng góp ủng hộ các chương trình thăm, tặng quà các gia đình khó khăn, gia đình thương binh liệt sỹ, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại các huyện đảo Lý Sơn và Trường Sa.



CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI KHÁC

Tập đoàn đã thực hiện tài trợ hơn 844 tỷ đồng cho chương trình đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ, thiên tai thông qua các chương trình điển hình sau:

- Tặng bánh trung thu, đèn lồng học sinh trên đảo Lý Sơn, vùng sâu vùng xa cùng nhiều phần quà hỗ trợ cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn;
- Các chương trình ASXH nhân dịp tết, tặng quà cho các gia đình khó khăn và Mẹ Việt Nam Anh hùng;
- Trao tặng quà, áo phao và nhà tình nghĩa cho các em học sinh, nhiều hộ gia đình khó khăn tại tỉnh Quảng Ngãi;
- Tham gia chương trình “Xây dựng nông thôn mới”, hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn cho xã Phước Kiến (huyện Nhà Bè, TP HCM), xây điểm trường mầm non cho huyện Gò Quao - Kiên Giang, tài trợ trang thiết bị, dụng cụ học tập, đồ chơi cho Trường Mầm non Tát Ngà, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang;
- Xây dựng công trình nhà ở nuôi dưỡng cho nạn nhân chất độc dioxin;
- Tổ chức thăm hỏi, trao tặng quà tết cho các thương, bệnh binh nặng đang điều trị tại Trung tâm Điều dưỡng Thương binh tỉnh Phú Thọ;
- Ủng hộ “Xuân Trường Sa”;
- Tổ chức thăm hỏi, trao tặng quà tết cho một số cơ sở đoàn và các gia đình khó khăn tại tỉnh Thái Bình và Hải Phòng;
- Trao quà tết cho cựu chiến binh các tỉnh: Kon Tum, Quảng Bình, Quảng Trị, Thái Bình;
- Hỗ trợ cho các bệnh nhân nghèo vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

Ngoài ra, Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã phối hợp với Tập đoàn hỗ trợ đột xuất cho các nạn nhân tai nạn, sự cố và thiên tai bão lụt:

- Hỗ trợ nạn nhân bị chìm tàu Cần Giờ 140 triệu đồng;
- Ủng hộ cho các nạn nhân vụ nổ Nhà máy Z121 sản xuất pháo hoa tại Phú Thọ;
- Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 10 và 11;

Những năm vừa qua, Tập đoàn đã thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc để triển khai thực hiện nhiều chương trình ASXH, trong đó có chương trình hỗ trợ xây dựng nhà đại đoàn kết cho các hộ nghèo thuộc 61 huyện trong danh sách huyện nghèo cả nước.

IX: KHEN THƯỞNG - GHI NHẬN

Tập đoàn và các đơn vị cơ sở cùng với nhiều cán bộ, công nhân viên đã được các cơ quan quản lý nhà nước gồm Bộ Công thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Nhân dân các địa phương ghi nhận, khen thưởng trong công tác an toàn, môi trường, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố tràn dầu.

Trong giai đoạn 2013 - 2016, đã có 30 tập thể tại các đơn vị cơ sở và 50 cán bộ, công nhân viên thuộc Tập đoàn được các cơ quan quản lý nhà nước tặng bằng khen ghi nhận thành tích về công tác ATSKMT. Bên cạnh đó, Ban ATSKMT của Tập đoàn đã được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho thành tích xuất sắc trong công tác ATSKMT của toàn ngành dầu khí.

Năm 2016, với chủ đề “Công đoàn đồng hành vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì việc làm, đời sống của người lao động”, công đoàn cơ sở đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực thu hút đông đảo người lao động tham gia, thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

Nhằm đẩy mạnh hiệu quả các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã chỉ đạo các công đoàn trực thuộc triển khai tăng cường tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Tập đoàn. Kết quả, tại nhiều đơn vị, phong trào thi đua luôn vượt tiến độ và thực sự đem lại lợi ích kinh tế:

- Phong trào thi đua chế tạo Giàn khoan Tam Đảo 05 của PV Shipyard làm lợi trên 60 tỉ đồng, tiết kiệm được nhiều triệu USD phải trả cho chuyên gia nước ngoài;
- Công trình giàn khai thác Thổ Trắng - 02 đưa vào khai thác sớm hơn so với kế hoạch 1,5 tháng, tiết kiệm được 2,82 triệu USD;
- Công trình “Anot hy sinh hợp kim nhôm” của Trung tâm Ứng dụng và Chuyển giao Công nghệ - Viện Dầu khí Việt Nam thực hiện;



- Công đoàn PVFCCo có 414 ý tưởng, sáng kiến, trong đó có 203 ý tưởng, sáng kiến được triển khai áp dụng, giá trị tiết kiệm ước đạt 59 tỉ đồng...

Ngoài ra, Công đoàn Dầu khí Việt Nam cũng đã phát động phong trào thi đua yêu nước trong công nhân viên chức - lao động các cấp công đoàn năm 2016 và giai đoạn 2016 - 2020. Lấy năm 2016 là “Năm sáng kiến, sáng chế” nhằm động viên công nhân viên chức - lao động tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; đổi mới công tác quản lý, công tác đầu tư; nâng cao hiệu quả sản xuất lao động, năng lực cạnh tranh để hạ giá thành sản phẩm trong sản xuất kinh doanh. Tính đến tháng 9/2016, đã có tổng số 185 sáng kiến của các đơn vị trình lên Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xét tặng Bằng Lao động Sáng tạo, ước tính giá trị làm lợi cho Tập đoàn khoảng 50 tỷ đồng.

Đối với phong trào thi đua trên các công trình trọng điểm, Công đoàn Dầu khí Việt Nam cùng các cấp công đoàn đã triển khai phát động phong trào thi đua trên 50 công trình/dự án của ngành bao gồm Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; Dự án Đóng mới giàn khoan tự nâng 90m nước; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1; Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2; Dự án Dầu khí Biển Đông 1; Dự án nạo vét lần đầu các công trình biển Tổ hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn... và trên 30 công trình/dự án do công đoàn các cấp phát động đã mang lại những kết quả thiết thực nhất.

Tính từ năm 2009 đến nay, Công đoàn Dầu khí Việt Nam đã khen thưởng cho 418 tập thể và 1.464 cá nhân với tổng kinh phí gần 5 tỷ đồng cho các thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua sản xuất, hoạt động văn hóa thể thao... nhằm chăm lo, tổ chức tốt đời sống tinh thần của người lao động trên công trường.

CHỈ MỤC BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO GRI/IPECA

Nội dung	GRI 3.1/ IPECA index	Trang
Thông điệp của Chủ tịch Tập đoàn	G3.1-1	11
Giới thiệu Tập đoàn, sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực kinh doanh sản xuất	G3.1-2	13, 18
Cơ cấu Tập đoàn và đơn vị thành viên	G3.1-2	13 - 15
Hình thức sở hữu, quy định pháp luật về quy chế hoạt động	G3.1-2	13
Phạm vi quốc gia có hoạt động, trụ sở chính	G3.1-2	13
Thay đổi quan trọng trong bộ máy quản lý, cơ cấu	G3.1-2	13, 16 - 17
Các rủi ro, tác động và cơ hội chủ đạo trong hoạt động	G3.1-1	40 - 41
Các rủi ro tài chính, kinh tế gây ra do biến đổi khí hậu	G3.1-1, EC2	40 - 41
Các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn, mục tiêu và chiến lược tương lai, phát triển thị trường	DMA EC, EC1	20 - 25
Dự trữ dầu, khí	OG1	20
Tổ chức báo cáo, thời hạn, phạm vi, phương pháp lập báo cáo	G3.1-3	6, 10
Người chịu trách nhiệm nội dung báo cáo	G3.1-3	6
Bộ máy quản lý, điều hành Tập đoàn	G3.1-4	16 - 17
Cơ chế đối thoại giữa lãnh đạo và người lao động	G3.1-4	43
Các mục tiêu kinh tế - xã hội	DMA EC, DMA SO	20 - 25
Chính sách ATSKMT	DMA EN, DMA LA, DMA PR	28
Chính sách đối với người lao động	DMA HR	43
Tuân thủ các quy định pháp luật về lao động và ATSKMT	DMA EN, DMA LA, DMA PR	32 - 33
Tham gia công tác xây dựng chính sách, quy định pháp luật về ATSKMT	SO5	33
Các tổ chức xã hội về lao động, ATSKMT có tham gia	G3.1-4	13
Các bên liên quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh	G3.1-4	34, 77
Tham vấn, trao đổi, họp, đối thoại với các bên liên quan	G3.1-4	34, 77
Phương hướng, cách tiếp cận tới các cộng đồng	DMA SO	34, 77
Đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, công trình và dịch vụ phục vụ lợi ích cộng đồng	EC8	77 - 85
Các hoạt động sản xuất kinh doanh có tham vấn của cộng đồng địa phương	SO1	34
Các hoạt động sản xuất kinh doanh (có thể) gây tác động tiêu cực đáng kể tới cộng đồng địa phương	SO9	34
Các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đáng kể tới cộng đồng địa phương	SO10	34
Các dự án có tái định cư	OG12	77

Chính sách tuyển dụng, không phân biệt đối xử, bình đẳng giới	DMO HR	43
Tổng số người lao động quay lại làm việc sau nghỉ thai sản	LA1, LA15	43
Tổng số người lao động được bảo đảm có thỏa ước lao động, thời hạn thông báo thay đổi thỏa ước lao động	LA4, LA5	43
Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý an toàn sức khỏe	DMA LA	30 - 31
Phương hướng, cách tiếp cận công tác quản lý an toàn công nghệ, bảo vệ tài sản	DMA SO	30 - 31
Thống kê, phân tích các chỉ tiêu thương tật, tử vong, bệnh nghề nghiệp và mất giờ làm	LA7	54
Các chương trình đào tạo, tư vấn, phòng ngừa dịch bệnh và kiểm soát rủi ro cho người lao động	LA8	44 - 45
Các chủ đề an toàn vệ sinh lao động đã thực hiện	LA9	44 - 45
Phương hướng, cách tiếp cận công tác đào tạo ATSKMT	DMA LA	36
Tổng hợp, phân tích chỉ tiêu số giờ đào tạo an toàn môi trường cho người lao động	LA10	37
Phương hướng, cách tiếp cận công tác bảo vệ môi trường	DMA EN	30 - 31
Tổng hợp, phân tích khối lượng nguyên vật liệu tiêu thụ	EN1	62 - 64
Biện pháp, kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu tác động môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh	EN26	30 - 31, 67, 70, 72
Tổng hợp, phân tích khối lượng nhiên liệu, điện năng tiêu thụ	EN3	61 - 62
Tổng lượng các nguồn năng lượng tái tạo đã sản xuất, chi phí, đầu tư sản xuất năng lượng tái tạo	OG2, OG3, OG14	51, 65
Công tác tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng	EN5, EN6	51
Tổng hợp, phân tích khối lượng khí thải	EN16, EN17, EN19, EN20	67
Các biện pháp giảm thiểu khí thải đã thực hiện	EN18	67
Lượng hydrocacbon đốt bỏ	OG6	66
Tổng lượng nước lấy vào sử dụng, các nguồn nước bị tác động	EN8, EN9	68 - 69
Tổng hợp, phân tích khối lượng nước thải	EN21, OG5	69 - 70
Đánh giá tác động môi trường tại các nguồn tiếp nhận nước thải	EN25	70
Tổng hợp, phân tích khối lượng chất thải thông thường, chất thải nguy hại, chất thải khoan	EN22, EN24, OG7	71 - 72
Phương hướng, kế hoạch tiết kiệm nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất hàng hóa	DMA EN, EN26	50
Tiêu chuẩn benzene, chì và lưu huỳnh trong sản phẩm xăng dầu	OG8	52
Cải tiến, nâng cấp chất lượng sản phẩm về các khía cạnh môi trường	EN26	52
Xây dựng năng lực ứng phó khẩn cấp	DMA SO	41, 58 - 59
Tổng hợp, thống kê, phân tích các tình huống khẩn cấp đã xảy ra	OG13	59
Nghiên cứu phát triển về tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và ATSKMT	EN6, EN7	52
Khen thưởng, ghi nhận trong công tác ATSKMT và an sinh xã hội	G3.1-2	87
Cam kết về báo cáo	G3.1-3	7



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM